CHÍNH PHỦ	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 212/2026/NĐ-CP	_____
	Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tiếp cận thông tin số 104/2016/QH13;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử số 20/2023/QH15;

Căn cứ Luật Dữ liệu số 60/2024/QH15;

Căn cứ Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15;

Căn cứ Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư số 143/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định chi tiết khoản 3 Điều 14 và khoản 7 Điều 88 Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 (sau đây gọi là Luật Xây dựng năm 2025); khoản 3 Điều 54 Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15) gồm các nội dung sau:

a) Xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

b) Điều kiện năng lực, kinh nghiệm của cá nhân tham gia hoạt động xây dựng; thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; điều kiện, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu

là tổ chức, cá nhân nước ngoài; nội dung công khai thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức; đăng tải kinh nghiệm hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân trên Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Quy hoạch, dự án, công trình xây dựng quốc phòng, an ninh, cơ yếu và bí mật nhà nước không thuộc phạm vi điều chỉnh tại Nghị định này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc xây dựng, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng và quản lý Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng là bản xác nhận năng lực hành nghề cấp cho cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Xây dựng năm 2025 có đủ trình độ chuyên môn và kinh nghiệm nghề nghiệp về lĩnh vực hành nghề.

2. Chủ nhiệm là chức danh của cá nhân được tổ chức giao nhiệm vụ quản lý, điều phối thực hiện toàn bộ công việc tư vấn có nhiều chuyên môn khác nhau, gồm: Chủ nhiệm lập quy hoạch đô thị và nông thôn; chủ nhiệm khảo sát xây dựng; chủ nhiệm thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng.

3. Chủ trì là chức danh của cá nhân được tổ chức giao nhiệm vụ phụ trách thực hiện công việc theo lĩnh vực chuyên môn, gồm: chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng; chủ trì kiểm định xây dựng; chủ trì xác định, thẩm tra và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

4. Chỉ huy trưởng hoặc giám đốc dự án của nhà thầu (sau đây gọi chung là chỉ huy trưởng) là chức danh của cá nhân được tổ chức thi công xây dựng giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động thi công xây dựng đối với một hoặc một số công trình hoặc gói thầu cụ thể.

5. Giám sát trưởng là chức danh của cá nhân được tổ chức giám sát thi công xây dựng công trình giao nhiệm vụ quản lý, điều hành hoạt động giám sát thi công xây dựng đối với công trình hoặc gói thầu cụ thể.

6. Giám đốc quản lý dự án là chức danh của cá nhân được Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng, người đại diện theo pháp luật của tổ chức tư vấn quản lý dự án, người đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư giao nhiệm vụ quản lý, điều phối thực hiện quản lý dự án đối với dự án đầu tư xây dựng cụ thể.

7. Thủ tục là một trong các thủ tục hành chính, thủ tục nội bộ, các nghiệp vụ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan. Tùy theo yêu cầu quản lý, thủ tục bao gồm các loại sau:

a) Thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn; thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn;

b) Thẩm định, phê duyệt quy hoạch đô thị và nông thôn; thẩm định, phê duyệt điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn;

c) Thẩm định, thẩm định điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng;

d) Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng;

đ) Thẩm định, thẩm định điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt;

e) Phê duyệt, phê duyệt điều chỉnh thiết kế xây dựng triển khai sau khi dự án được phê duyệt;

g) Cấp giấy phép xây dựng;

h) Thông báo khởi công xây dựng;

i) Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với vi phạm có liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng;

k) Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng của cơ quan chuyên môn về xây dựng hoặc Hội đồng kiểm tra nhà nước về công tác nghiệm thu công trình xây dựng;

l) Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ);

m) Báo cáo thông tin sự cố công trình xây dựng trong quá trình thi công và khai thác, vận hành;

n) Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng;

8. Nhà thầu nước ngoài quy định tại Nghị định này là tổ chức được thành lập theo pháp luật nước ngoài hoặc cá nhân có quốc tịch nước ngoài, đã được lựa chọn; ký kết, thực hiện hợp đồng xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam. Nhà thầu nước ngoài có thể là tổng thầu hoặc nhà thầu liên danh hoặc nhà thầu chính hoặc nhà thầu phụ.

Điều 4. Xây dựng Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng tập trung, thống nhất trong phạm vi toàn quốc bảo đảm:

a) Hoạt động liên tục, ổn định, thông suốt, cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời, phục vụ quản lý nhà nước;

b) Đáp ứng điều kiện thực hiện thủ tục trực tuyến toàn trình hoặc trực tuyến một phần theo quy định của pháp luật có liên quan để tự động thu thập, cập nhật dữ liệu theo lộ trình quy định tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này.

c) Đáp ứng yêu cầu theo dõi, giám sát, kiểm tra, thanh tra về hoạt động đầu tư xây dựng theo yêu cầu quản lý ngành, lĩnh vực và phát triển kinh tế - xã hội;

d) Bảo đảm việc tạo lập, cập nhật, duy trì, khai thác, sử dụng, quản lý, chia sẻ, kết nối phù hợp theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, an ninh mạng và các quy định pháp luật khác phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân.

2. Bộ Xây dựng là cơ quan chủ quản Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng được vận hành tại địa chỉ https://csdlhdxd.gov.vn, bao gồm các cấu phần sau:

a) Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng và dữ liệu, thông tin khác về hoạt động xây dựng;

b) Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin phục vụ lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu;

c) Hệ thống phần mềm ứng dụng, dịch vụ phần mềm, nền tảng điện toán đám mây phục vụ quản lý, vận hành, khai thác thông tin về hoạt động xây dựng.

a) Dữ liệu quy định tại điểm o khoản 7 Điều 3 Nghị định này được trích, chọn và đồng bộ vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định này;

5. Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng làm cơ sở tạo lập các nền tảng ứng dụng sau đây:

a) Các nền tảng ứng dụng về báo cáo, chỉ đạo, điều hành của các cơ quan, tổ chức có liên quan trích xuất báo cáo theo yêu cầu đột xuất, hàng tháng, hàng quý, hàng năm để đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành, xây dựng cơ chế, chính sách, quy phạm pháp luật của các cấp có thẩm quyền và các yêu cầu khác có liên quan;

b) Các nền tảng, ứng dụng về quản lý, phân tích, khai thác dữ liệu và hỗ trợ các nghiệp vụ có liên quan;

c) Các nền tảng phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo, cảnh báo sớm, hỗ trợ ra quyết định và kiểm soát rủi ro phục vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực xây dựng trên cơ sở dữ liệu được chuẩn hóa, liên thông và cập nhật theo thời gian thực hoặc gần thời gian thực;

d) Ứng dụng công khai, chia sẻ dữ liệu mở theo quy định;

đ) Các nền tảng ứng dụng khác có liên quan để đáp ứng yêu cầu quản lý và phát triển kinh tế - xã hội trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

6. Dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được tạo lập, cập nhật, xác thực đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục thì có giá trị khai thác, sử dụng theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, xây dựng và pháp luật có liên quan.

7. Dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là dữ liệu do cơ quan có thẩm quyền xác lập và cập nhật, điều chỉnh theo quy định tại Nghị định này.

8. Trường hợp dữ liệu, thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng hiển thị trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng chưa đầy đủ, chính xác so với kết quả giải quyết thủ tục theo quy định tại Điều 6 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền ban hành kết quả thủ tục có trách nhiệm rà soát, kiểm tra và cập nhật dữ liệu, thông tin vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bảo đảm phù hợp theo quy định của pháp luật có liên quan.

9. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết khoản 7, khoản 8 Điều này về cơ quan nhà nước có thẩm quyền rà soát, kiểm tra và cập nhật dữ liệu, thông tin bảo đảm đầy đủ, chính xác vào hệ thống.

Điều 5. Trách nhiệm, nội dung xây dựng Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Bộ Xây dựng tổ chức triển khai xây dựng Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện trên phạm vi toàn quốc.

2. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức có liên quan có trách nhiệm phối hợp cung cấp, cập nhật, kết nối, chia sẻ dữ liệu hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

3. Nội dung xây dựng Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng chủ yếu như sau:

a) Xây dựng kiến trúc tổng thể Hệ thống thông tin, mô hình triển khai, phương án tổ chức vận hành và lộ trình phát triển phù hợp với từng giai đoạn;

b) Xây dựng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, nền tảng số, hệ thống lưu trữ, xử lý, phân tích và khai thác dữ liệu phục vụ hoạt động của Hệ thống thông tin;

c) Xây dựng, triển khai các hệ thống phần mềm ứng dụng, dịch vụ phần mềm phục vụ quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu thuộc phạm vi của Nghị định này;

d) Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy chuẩn dữ liệu, cấu trúc dữ liệu, thành phần dữ liệu và danh mục dữ liệu thống nhất trong phạm vi toàn quốc đối với lĩnh vực hoạt động xây dựng.

4. Quy trình kỹ thuật, chuẩn dữ liệu, phương thức kết nối, chia sẻ, cập nhật và khai thác Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và lộ trình xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng các nền tảng ứng dụng quy định tại khoản 5 Điều 4 Nghị định này theo hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

Điều 6. Nguyên tắc thu thập, cập nhật dữ liệu để tạo lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được thu thập, tạo lập, cập nhật theo các kết quả giải quyết thủ tục do cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về xây dựng thực hiện, ban hành, chuẩn hóa dữ liệu và các nguồn khác vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng. Cụ thể như sau:

1. Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn thực hiện tại bước thủ tục quy định tại các điểm a, b khoản 7 Điều 3 Nghị định này.

2. Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng thực hiện tại bước thủ tục quy định tại các điểm c, g, h, i, k và l khoản 7 Điều 3 Nghị định này (riêng dữ liệu thu thập qua thủ tục tại điểm i khoản 7 Điều 3 được liên thông, kết nối chia sẻ từ cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin khác có liên quan).

4. Cơ sở dữ liệu tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng được kết nối, chia sẻ và khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng.

5. Cơ sở dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thực hiện tại bước thủ tục quy định tại các điểm b, c, g, k và n khoản 7 Điều 3 Nghị định này.

6. Dữ liệu, thông tin được trích, chọn và đồng bộ hóa dữ liệu liên quan từ các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác, cơ sở dữ liệu dùng chung của bộ, ngành, địa phương.

7. Đề xuất sửa đổi, bổ sung của cơ quan, tổ chức, cá nhân khi thay đổi hoặc phát hiện các thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng chưa đầy đủ, chính xác.

8. Số hóa, chuẩn hóa thông tin, dữ liệu từ hồ sơ quản lý của cơ quan nhà nước.

9. Các nguồn thông tin, dữ liệu khác theo quy định của pháp luật về dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.

10. Việc thu thập dữ liệu qua các kết quả giải quyết thủ tục để tạo lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại Điều này thực hiện theo lộ trình tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này, nguyên tắc như sau:

a) Việc thu thập, tạo lập dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tại Điều này phải được thực hiện toàn bộ qua các biểu mẫu điện tử tương tác tại các hệ thống thông tin có liên quan hoặc được tự động thu thập qua kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan;

b) Việc xây dựng các biểu mẫu điện tử tương tác, thực hiện trên cơ sở các biểu mẫu được ban hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan;

c) Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 7. Nguyên tắc thu thập, cập nhật dữ liệu, thông tin khác về hoạt động xây dựng để tạo lập Cơ sở dữ liệu chuyên ngành

Dữ liệu, thông tin khác về hoạt động xây dựng tại điểm a khoản 3 Điều 4 Nghị định này được thu thập theo các kết quả thủ tục do tổ chức, cá nhân thực hiện, ban hành, cập nhật vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng để tạo lập Cơ sở dữ liệu chuyên ngành. Dữ liệu, thông tin được thu thập qua các thủ tục như sau:

1. Dữ liệu, thông tin dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng được thu thập qua bước thủ tục quy định tại các điểm c, d, đ, e và m khoản 7 Điều 3 Nghị định này.

3. Dữ liệu, thông tin năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được thu thập qua bước thủ tục quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 7 Điều 3 Nghị định này.

4. Tổ chức phải cung cấp các thông tin, dữ liệu theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, độ tin cậy, cơ sở pháp lý của thông tin, dữ liệu cung cấp. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết các trường dữ liệu, biểu mẫu, trình tự nhập, cập nhật, đăng tải dữ liệu, thông tin dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng, năng lực hoạt động xây dựng theo các kết quả thủ tục tại khoản 1 và khoản 3 Điều này vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

5. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, công trình đã thực hiện một hoặc một số thủ tục liên quan đến hoạt động xây dựng trước đó, khi thực hiện các thủ tục, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu người đề nghị thực hiện thủ tục báo cáo, nhập, cập nhật các kết quả giải quyết thủ tục do người quyết định đầu tư, tổ chức đầu tư tự thực hiện liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng.

7. Cơ sở dữ liệu chuyên ngành được từng bước thu thập, tạo lập, cập nhật theo quy định tại Điều này để phục vụ các hoạt động nghiệp vụ có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng, hoạt động khác có liên quan và không thuộc trường hợp phải đồng bộ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu tổng hợp quốc gia do Trung tâm dữ liệu quốc gia quản lý.

8. Việc thu thập dữ liệu qua các kết quả giải quyết thủ tục để tạo lập Cơ sở dữ liệu chuyên ngành theo quy định tại Điều này thực hiện theo lộ trình tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này, nguyên tắc thực hiện như sau:

a) Việc thu thập, tạo lập dữ liệu trong Cơ sở dữ liệu chuyên ngành tại Điều này phải được thực hiện toàn bộ qua các biểu mẫu điện tử tương tác tại các hệ thống thông tin có liên quan hoặc được tự động thu thập qua kết nối, chia sẻ với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan;

b) Việc xây dựng các biểu mẫu điện tử tương tác, thực hiện trên cơ sở các biểu mẫu được ban hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan;

c) Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các cơ sở dữ liệu quốc gia khác, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống thông tin có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

Điều 8. Mã định danh trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Mỗi quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng phải gắn với một mã định danh duy nhất, được khởi tạo trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng để bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ trong quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu.

2. Mã định danh là thông tin bắt buộc, được khởi tạo khi tạo lập hoặc cập nhật dữ liệu, thông tin trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và được sử dụng thống nhất trong suốt vòng đời của đối tượng quản lý.

3. Kết quả giải quyết thủ tục tại các bước tiếp theo liên quan đến quy hoạch đô thị và nông thôn, dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng phải gắn mã định danh đã được khởi tạo tại khoản 2 Điều này theo mẫu kết quả giải quyết các thủ tục quy định tại pháp luật về quản lý hoạt động xây dựng, quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng, quản lý chi phí đầu tư xây dựng, hợp đồng xây dựng.

4. Hồ sơ kèm theo kết quả giải quyết thủ tục tại khoản 3 Điều này phải được cập nhật vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương II CƠ SỞ DỮ LIỆU QUỐC GIA VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Mục 1 CƠ SỞ DỮ LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH, QUY TRÌNH TẠO LẬP DỮ LIỆU QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN

Điều 9. Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn bao gồm dữ liệu nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn và được phân loại như sau:

a) Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị đối với thành phố, đô thị thuộc tỉnh, đô thị thuộc thành phố, đặc khu là đô thị, đô thị mới;

b) Cơ sở dữ liệu quy hoạch nông thôn đối với xã; đặc khu không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này;

c) Cơ sở dữ liệu quy hoạch khu chức năng đối với khu chức năng;

d) Cơ sở dữ liệu quy hoạch không gian ngầm đối với thành phố;

đ) Cơ sở dữ liệu quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật đối với thành phố.

2. Dữ liệu nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn được thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng qua thủ tục quy định tại điểm a khoản 7 Điều 3 Nghị định này, bao gồm:

a) Dữ liệu chung: tên nhiệm vụ quy hoạch; loại, cấp độ quy hoạch; vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập nhiệm vụ quy hoạch; cơ quan tổ chức lập nhiệm vụ quy hoạch; cơ quan thẩm định nhiệm vụ quy hoạch; cơ quan phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; năm trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch; số quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch (đối với nhiệm vụ quy hoạch đã được phê duyệt);

b) Dữ liệu chi tiết: hồ sơ trình thẩm định hoặc hồ sơ trình phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; dữ liệu khác có liên quan.

3. Dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn được thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng qua thủ tục quy định tại điểm b khoản 7 Điều 3 Nghị định này, bao gồm:

a) Dữ liệu chung: tên quy hoạch đô thị và nông thôn; loại, cấp độ quy hoạch; vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch; cơ quan tổ chức lập quy hoạch; chủ nhiệm lập quy hoạch, chủ trì lĩnh vực chuyên môn lập quy hoạch; cơ quan thẩm định quy hoạch;

cơ quan phê duyệt quy hoạch; năm phê duyệt quy hoạch; số quyết định phê duyệt quy hoạch (đối với quy hoạch đã được phê duyệt);

b) Dữ liệu chi tiết: hồ sơ trình thẩm định hoặc hồ sơ trình phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn; dữ liệu khác có liên quan.

Điều 10. Mã định danh quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Mỗi quy hoạch đô thị và nông thôn gắn với một mã định danh quy hoạch đô thị và nông thôn, được khởi tạo tại thời điểm thông tin được cập nhật lần đầu trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

2. Mã định danh quy hoạch đô thị và nông thôn là dãy các ký tự.

Điều 11. Dữ liệu mở, dữ liệu chủ của Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Dữ liệu chung và một số dữ liệu chi tiết trong cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn là dữ liệu mở được Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết và công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn gồm dữ liệu chung được quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 9 và mã định danh quy hoạch đô thị và nông thôn quy định tại Điều 10 Nghị định này.

Điều 12. Quy trình khởi tạo mã định danh và tạo lập, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn

1. Mã định danh quy hoạch đô thị và nông thôn được khởi tạo thông qua Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng khi trình thẩm định hồ sơ quy hoạch và được gắn với hồ sơ quy hoạch trong hoạt động quy hoạch đô thị và nông thôn.

2. Cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm nhập dữ liệu trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng để khởi tạo mã định danh trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng khi trình thẩm định nhiệm vụ quy hoạch.

3. Sau 15 ngày kể từ ngày quy hoạch đô thị và nông thôn được cấp có thẩm quyền phê duyệt và được cơ quan thẩm định quy hoạch kiểm tra, xác nhận theo quy định của pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn, cơ quan tổ chức thẩm định quy hoạch đô thị và nông thôn có trách nhiệm, phối hợp với cơ quan tổ chức lập quy hoạch đô thị và nông thôn để cập nhật hồ sơ quy hoạch đã được thẩm định và phê duyệt vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

4. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về các trường dữ liệu nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn được thu thập, cập nhật để tạo lập Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng tại Điều 9 Nghị định này; quy trình thu thập, cập nhật cơ sở dữ liệu quy hoạch đô thị và nông thôn tại Điều này trong hoạt động lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, quy hoạch đô thị và nông thôn thông qua Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

Mục 2 CƠ SỞ DỮ LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH, QUY TRÌNH TẠO LẬPDỮ LIỆU DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Điều 13. Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

1. Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng bao gồm:

a) Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng được thu thập, cập nhật qua các thủ tục quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định này;

b) Cơ sở dữ liệu công trình xây dựng được điều tra, khảo sát theo hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành.

2. Dữ liệu dự án đầu tư xây dựng được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Dữ liệu chung gồm: Tên dự án; địa điểm xây dựng;

b) Dữ liệu chi tiết gồm: Kết quả giải quyết thủ tục và dữ liệu trong hồ sơ, tài liệu pháp lý kèm theo.

3. Dữ liệu công trình xây dựng được thu thập, cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng bao gồm:

a) Dữ liệu chung gồm: Tên công trình; địa điểm xây dựng công trình;

b) Dữ liệu chi tiết gồm: Kết quả thực hiện thủ tục và dữ liệu trong hồ sơ, tài liệu pháp lý kèm theo.

4. Căn cứ nhu cầu quản lý, Bộ trưởng Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành ban hành hướng dẫn, lộ trình điều tra, khảo sát, thu thập, cập nhật dữ liệu, thông tin công trình xây dựng vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

5. Cơ quan giải quyết thủ tục có trách nhiệm kiểm tra, chuẩn hóa các dữ liệu được tổ chức, cá nhân nhập theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định này làm cơ sở cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng cùng với kết quả giải quyết thủ tục.

6. Đối với các dự án đầu tư xây dựng, công trình đã thực hiện một hoặc một số thủ tục liên quan đến hoạt động xây dựng trước đó, khi thực hiện các thủ tục, cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về xây dựng yêu cầu người đề nghị thực hiện thủ tục báo cáo, nhập, cập nhật các kết quả giải quyết thủ tục của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, cơ quan chuyên môn về xây dựng (nếu có) liên quan đến dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng.

Điều 14. Mã định danh dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

1. Mỗi dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng phải gắn với một mã định danh dự án đầu tư xây dựng, mã định danh công trình xây dựng được khởi tạo khi Bộ phận một cửa hoặc bộ phận tiếp nhận thủ tục và tổ chức, cá nhân đề nghị thực hiện thủ tục nhập dữ liệu chung, dữ liệu chi tiết về dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng trên Hệ thống thông

tin về hoạt động xây dựng theo mẫu đề nghị thực hiện thủ tục và mẫu kết quả thực hiện thủ tục tại các quy định pháp luật có liên quan.

2. Mã định danh dự án đầu tư xây dựng, mã định danh công trình xây dựng là dãy các ký tự.

Điều 15. Dữ liệu mở, dữ liệu chủ của Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng

1. Dữ liệu chung và một số dữ liệu chi tiết trong Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng là dữ liệu mở được Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết và công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Dữ liệu chủ của Cơ sở dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng gồm dữ liệu chung quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 13 và mã định danh quy định tại Điều 14 Nghị định này.

3. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về các trường dữ liệu, biểu mẫu, trình tự, trách nhiệm nhập, cập nhật dữ liệu dự án đầu tư xây dựng, công trình xây dựng vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Dữ liệu định mức xây dựng gồm:

a) Dữ liệu về định mức kinh tế - kỹ thuật (gồm định mức cơ sở và định mức dự toán);

b) Dữ liệu về định mức chi phí.

a) Dữ liệu về giá công tác xây dựng;

b) Dữ liệu về giá nhóm công tác xây dựng;

c) Dữ liệu về giá bộ phận, đơn vị kết cấu công trình;

d) Dữ liệu về suất chi phí, suất vốn đầu tư xây dựng.

4. Dữ liệu giá các yếu tố chi phí trực tiếp cấu thành giá công tác xây dựng gồm:

a) Dữ liệu về giá vật liệu;

b) Dữ liệu về giá nhân công;

c) Dữ liệu về giá ca máy và thiết bị thi công;

d) Dữ liệu về giá thuê máy.

d) Dữ liệu về chỉ số giá của một số vật liệu chủ yếu.

Điều 17. Dữ liệu chủ, mã định danh, quy trình cập nhật dữ liệu và trách nhiệm quản lý việc cập nhật dữ liệu

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành, công bố, cơ quan có thẩm quyền nêu tại điểm a khoản này có trách nhiệm rà soát, chuẩn hóa, nhập, cập nhật dữ liệu đã ban hành, công bố theo quy định vào Hệ thống tại điểm a khoản này. Riêng đối với việc rà soát, chuẩn hóa, nhập dữ liệu về định mức kinh tế - kỹ thuật tại điểm a khoản 2 Điều 16 Nghị định này được thực hiện trong thời hạn 10 ngày làm việc.

Mục 4 CƠ SỞ DỮ LIỆU, MÃ ĐỊNH DANH, QUY TRÌNH TẠO LẬP DỮ LIỆU NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 18. Dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng

1. Dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng được thu thập vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại khoản 5 Điều 6 Nghị định này.

2. Đối với cá nhân tham gia hoạt động xây dựng:

a) Dữ liệu chung gồm: Lĩnh vực hành nghề; hạng chứng chỉ; thời hạn chứng chỉ;

b) Dữ liệu chi tiết gồm: Cơ sở đào tạo; trình độ chuyên môn; số chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng; quyết định cấp mới, cấp lại; cơ quan cấp.

3. Đối với tổ chức tham gia hoạt động xây dựng:

a) Dữ liệu chung gồm tên nhà thầu;

b) Dữ liệu chi tiết gồm thông tin năng lực hoạt động xây dựng được thu thập qua thủ tục.

Điều 19. Mã định danh năng lực hoạt động xây dựng

1. Mỗi tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng có phát sinh dữ liệu về năng lực hoạt động xây dựng phải gắn với một mã định danh năng lực hoạt động xây dựng duy nhất để làm cơ sở quản lý theo quy định.

2. Mã định danh năng lực hoạt động xây dựng gồm mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức và mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.

3. Mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân quy định như sau:

a) Đối với cá nhân là công dân Việt Nam, mã định danh được xác lập trên cơ sở số định danh cá nhân trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư;

b) Đối với cá nhân khác có hoạt động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam, mã định danh được xác lập trên cơ sở số hộ chiếu được cấp.

4. Mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức là mã số doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về đăng ký doanh nghiệp.

Điều 20. Dữ liệu mở, dữ liệu chủ của Cơ sở dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng

1. Dữ liệu chung và một số dữ liệu chi tiết trong cơ sở dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng là dữ liệu mở được Bộ Xây dựng hướng dẫn chi tiết và công bố trên cổng dữ liệu quốc gia, cổng thông tin điện tử của Bộ Xây dựng.

2. Dữ liệu chủ của cơ sở dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng gồm dữ liệu chung quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 18 và mã định danh quy định tại Điều 19 Nghị định này.

Điều 21. Quy trình khởi tạo mã định danh, tạo lập, cập nhật Cơ sở dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng

1. Mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được khởi tạo lần đầu trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

2. Đối với hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng đạt yêu cầu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm tổ chức nhập dữ liệu tại khoản 2 Điều 18 Nghị định này để khởi tạo mã định danh trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

3. Dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được thu thập, cập nhật tự động khi thực hiện thủ tục tại khoản 1 Điều 18 Nghị định này.

4. Khi thực hiện các thủ tục tiếp theo, dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân được tự động cập nhật vào mã định danh năng lực hoạt động xây dựng đã được khởi tạo tại khoản 1 Điều này.

5. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền hoặc cơ quan chuyên môn về xây dựng chỉ được ban hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính sau khi mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân đã được khởi tạo hợp lệ và dữ liệu đã được cập nhật đầy đủ trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

6. Kết quả giải quyết thủ tục hành chính về cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng được cấp, trả dưới dạng điện tử, gắn với mã định danh năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân và được cập nhật, lưu trữ trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng. Kết quả điện tử có giá trị pháp lý như bản giấy theo quy định của pháp luật về xây dựng và giao dịch điện tử và được sử dụng để khai thác, chia sẻ, phục vụ giải quyết thủ tục.

7. Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết về các trường dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, cá nhân tại Điều 18 Nghị định này; quy trình tạo lập, cập nhật dữ liệu năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân tại Điều này.

Chương III KHAI THÁC, SỬ DỤNG, KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU,CẬP NHẬT, ĐIỀU CHỈNH DỮ LIỆU, THÔNG TIN TRONG HỆ THỐNG THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Điều 22. Khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Việc khai thác, sử dụng Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, tiếp cận thông tin, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định khác của pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng mục đích, phạm vi, thẩm quyền và yêu cầu quản lý nhà nước trong lĩnh vực hoạt động xây dựng.

2. Phạm vi khai thác cơ sở dữ liệu

a) Cơ quan quản lý nhà nước được khai thác, sử dụng dữ liệu trong hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ, thẩm quyền, phạm vi được phân quyền và mục đích khai thác được xác định; việc khai thác dữ liệu cá nhân, dữ liệu hạn chế tiếp

cận, bí mật nhà nước, bí mật kinh doanh thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Cá nhân, tổ chức được quyền khai thác, sử dụng dữ liệu mở được công bố và được khai thác theo văn bản yêu cầu đối với các dữ liệu còn lại trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về chuyển đổi số, giao dịch điện tử, an ninh mạng, tiếp cận thông tin và phù hợp với nhu cầu sử dụng của cá nhân, tổ chức.

3. Hình thức khai thác cơ sở dữ liệu

a) Thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia và các hệ thống kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật có liên quan;

b) Thông qua cổng thông tin thuộc Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng;

c) Bằng văn bản theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin đối với các thông tin, dữ liệu không thuộc dữ liệu mở theo quy định của Nghị định này.

4. Cơ quan quản lý nhà nước không được yêu cầu tổ chức, cá nhân cung cấp các giấy tờ, thông tin đã có trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

5. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng tại địa chỉ https://csdlhdxd.gov.vn có trách nhiệm:

a) Truy cập đúng địa chỉ tên miền, đúng tài khoản được cấp; không được làm lộ mật khẩu hệ thống;

b) Chỉ được khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu trong phạm vi được phân quyền, không xâm nhập trái phép vào hệ thống cơ sở dữ liệu; sử dụng thông tin, dữ liệu đúng mục đích;

d) Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước; pháp luật về an ninh mạng; chịu trách nhiệm về sai phạm trong khai thác, sử dụng thông tin, dữ liệu.

c) Sử dụng các chức năng và các phần mềm dùng chung có trên hệ thống cơ sở dữ liệu để phục vụ công tác chuyên môn.

7. Việc khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin không phải dữ liệu mở quy định tại Nghị định này được đơn vị vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng cung cấp dịch vụ tiện ích trực tuyến qua cổng thông tin thuộc Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng thực hiện theo lộ trình tại khoản 2 Điều 50 Nghị định này. Cụ thể như sau:

a) Tổ chức, cá nhân gửi văn bản điện tử yêu cầu cung cấp, khai thác thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng;

b) Văn bản điện tử yêu cầu cung cấp thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng phải nêu rõ mục đích, phạm vi thông tin cần cung cấp, khai thác và cam đoan chịu trách nhiệm trong việc sử dụng thông tin đúng mục đích và quy định của pháp luật khi được cung cấp;

c) Trường hợp đồng ý cung cấp thông tin, trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản điện tử yêu cầu, đơn vị vận hành, khai thác sử dụng Hệ thống thông

tin về hoạt động xây dựng hoặc đơn vị được phân cấp, ủy quyền có văn bản điện tử đồng ý theo nội dung đề nghị;

d) Trường hợp không đồng ý cung cấp thông tin thì phải có văn bản điện tử trả lời và nêu rõ lý do;

đ) Mẫu văn bản điện tử đề nghị cung cấp, khai thác thông tin và mẫu văn bản điện tử cung cấp thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

8. Bộ Xây dựng công bố dữ liệu mở; công bố dịch vụ tiện ích cung cấp, khai thác dữ liệu, thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về dữ liệu và pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Quy định về kết nối với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng với các cơ sở dữ liệu quốc gia khác và các cơ sở dữ liệu chuyên ngành được thực hiện theo các quy định pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử, quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin và quyền tiếp cận thông tin theo quy định của pháp luật.

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng được thực hiện theo các nguyên tắc sau:

a) Phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và nhu cầu khai thác hợp pháp của tổ chức, cá nhân;

b) Bảo đảm dữ liệu được kết nối, chia sẻ là dữ liệu hợp lệ, thống nhất, có mã số theo quy định tại Nghị định này;

c) Kết nối, chia sẻ dữ liệu theo thời gian thực hoặc định kỳ, hạn chế tối đa việc sao chép, trùng lặp dữ liệu;

d) Tuân thủ quy định về bảo vệ dữ liệu, an toàn thông tin mạng, an ninh mạng và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

3. Dữ liệu được kết nối, chia sẻ từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng là dữ liệu chính thức, được các cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng làm căn cứ trong quản lý nhà nước, giải quyết thủ tục hành chính và các hoạt động có liên quan, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Trường hợp có sai lệch thì xử lý theo Điều 25 Nghị định này.

4. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tổ chức, cá nhân ngoài khu vực nhà nước được thực hiện theo quy định của pháp luật và các thỏa thuận chia sẻ dữ liệu, bảo đảm không làm ảnh hưởng đến an toàn, an ninh của Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

5. Bộ Xây dựng thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu thuộc phạm vi Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; ban hành các văn bản liên quan đến quy định kỹ thuật về cấu trúc, định dạng dữ liệu, gói tin, kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

Điều 24. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai

Việc kết nối Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai để chia sẻ dữ liệu đất đai phục vụ quản lý hoạt động đầu tư xây dựng thực hiện theo quy định của pháp luật về dữ liệu, giao dịch điện tử và pháp luật khác có liên quan.

Điều 25. Cập nhật, điều chỉnh dữ liệu, thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Khi nhận được đề xuất hoặc phát hiện thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng chưa đầy đủ, chưa chính xác hoặc có sai lệch giữa dữ liệu điện tử và hồ sơ tài liệu gốc thì cơ quan, tổ chức có thẩm quyền ban hành kết quả giải quyết thủ tục hoặc cơ quan, tổ chức tạo lập dữ liệu có trách nhiệm rà soát, cập nhật, chuẩn hóa, điều chỉnh dữ liệu theo quy định.

2. Bộ Xây dựng ban hành hướng dẫn công tác nhập, cập nhật, điều chỉnh dữ liệu, thông tin; địa chỉ nhập, cập nhật dữ liệu; phân quyền quản trị, khai thác, sử dụng dữ liệu, thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

Điều 26. Kinh phí xây dựng, nâng cấp, duy trì, khai thác, sử dụng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng

1. Kinh phí xây dựng, nâng cấp, duy trì, khai thác, sử dụng, quản lý, vận hành Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng tại khoản 3 Điều 4 Nghị định này từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Kinh phí thực hiện việc quản lý, khai thác, bảo đảm an toàn thông tin, quản lý, vận hành được bố trí từ nguồn chi thường xuyên theo phân cấp ngân sách hiện hành, nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

3. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp khác để phục vụ việc xây dựng, phát triển, vận hành và khai thác Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật.

Chương IV NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Mục 1 ĐIỀU KIỆN NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CÁ NHÂN

Điều 27. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

1. Chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng (sau đây gọi tắt là chứng chỉ hành nghề) được cấp cho cá nhân là công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài hoạt động xây dựng hợp pháp tại Việt Nam để đảm nhận các chức danh hoặc hành nghề độc lập quy định tại khoản 1 Điều 88, Điều 90 Luật Xây dựng năm 2025.

2. Cá nhân người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có giấy phép năng lực hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp, nếu hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam dưới 06 tháng hoặc ở nước ngoài nhưng thực hiện các dịch vụ tư vấn

xây dựng tại Việt Nam thì văn bằng đào tạo, giấy phép năng lực hành nghề phải được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam để được hành nghề. Trường hợp cá nhân hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 06 tháng trở lên, phải chuyển đổi chứng chỉ hành nghề tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

3. Các chức danh, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Xây dựng năm 2025 không yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của Nghị định này khi thực hiện các hoạt động xây dựng sau:

a) Thiết kế, thẩm tra thiết kế sơ bộ được lập trong Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng;

b) Thiết kế, thẩm tra thiết kế, giám sát hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông trong công trình;

c) Thiết kế, thẩm tra thiết kế, giám sát công tác hoàn thiện công trình xây dựng như trát, ốp lát, sơn, lắp đặt cửa và thiết kế, thẩm tra thiết kế, giám sát thi công xây dựng các công việc không ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực của công trình;

d) Các hoạt động xây dựng đối với công viên cây xanh; công trình chiếu sáng công cộng; đường cáp truyền dẫn tín hiệu viễn thông; dự án chỉ có các công trình nêu tại điểm này.

4. Cá nhân không có chứng chỉ hành nghề chỉ được tham gia các hoạt động xây dựng thuộc lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành đào tạo theo quy định tại Nghị định này, phù hợp với quy định của Bộ luật Lao động và không được đảm nhận chức danh theo quy định phải có chứng chỉ hành nghề.

5. Chứng chỉ hành nghề cấp mới có hiệu lực 10 năm. Riêng đối với chứng chỉ hành nghề của cá nhân nước ngoài, hiệu lực được xác định theo thời hạn được ghi trong giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú do cơ quan có thẩm quyền cấp nhưng không quá 10 năm.

Trường hợp cấp lại chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định này thì ghi thời hạn theo chứng chỉ hành nghề được cấp trước đó.

6. Chứng chỉ hành nghề có quy cách và nội dung chủ yếu theo Mẫu số 03 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

7. Chứng chỉ hành nghề được quản lý thông qua ký hiệu chứng chỉ hành nghề, bao gồm 02 nhóm, được nối với nhau bằng dấu gạch ngang (-), quy định như sau:

a) Nhóm thứ nhất: Có 03 ký tự thể hiện nơi cấp chứng chỉ được quy định cụ thể tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Nhóm thứ hai: Mã số chứng chỉ hành nghề.

8. Mã số chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm b khoản 7 Điều này là dãy số có 08 chữ số dùng để quản lý chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân. Mỗi cá nhân tham gia hoạt động xây dựng khi đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được cấp mã số chứng chỉ hành nghề tự động trên hệ thống. Mã số chứng chỉ hành nghề được gắn và liên kết với mã định danh cá nhân của người được cấp chứng chỉ, được quản lý trong Hệ thống thông

tin về hoạt động xây dựng và bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành có liên quan. Mã số chứng chỉ hành nghề không thay đổi khi cá nhân đề nghị cấp mới, cấp lại hoặc cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.

9. Cấp công trình khi xét cấp chứng chỉ hành nghề và phạm vi hoạt động được xác định theo quy định của pháp luật về phân cấp công trình. Riêng đối với việc xét cấp chứng chỉ hành nghề và phạm vi hoạt động của lĩnh vực thiết kế kết cấu công trình, cấp công trình được xác định ưu tiên theo tiêu chí về quy mô kết cấu công trình theo quy định của pháp luật về cấp công trình xây dựng.

10. Bộ Xây dựng thống nhất quản lý nhà nước về việc cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề; quản lý cấp mã số chứng chỉ hành nghề.

Điều 28. Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề và phạm vi hoạt động

1. Cá nhân phải có đủ điều kiện năng lực theo quy định của Nghị định này khi đảm nhận các chức danh hoặc hành nghề độc lập các lĩnh vực sau:

a) Khảo sát xây dựng gồm: Khảo sát địa hình; khảo sát địa chất công trình;

b) Lập quy hoạch đô thị và nông thôn;

c) Thiết kế xây dựng gồm: Thiết kế kiến trúc công trình (thực hiện theo quy định của pháp luật về kiến trúc); thiết kế xây dựng công trình; thiết kế cơ - điện công trình;

d) Giám sát thi công xây dựng gồm: Giám sát công tác xây dựng công trình; giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình.

2. Phạm vi hoạt động của chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 29. Cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề

1. Chứng chỉ hành nghề được cấp cho cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cấp mới chứng chỉ hành nghề bao gồm các trường hợp: lần đầu được cấp chứng chỉ; điều chỉnh hạng chứng chỉ; chứng chỉ hết thời hạn hiệu lực hoặc đề nghị cấp lại đối với chứng chỉ còn thời hạn hiệu lực không thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều này;

b) Cấp lại chứng chỉ hành nghề bao gồm các trường hợp: chứng chỉ hành nghề còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất hoặc hư hỏng hoặc ghi sai thông tin hoặc điều chỉnh, bổ sung thông tin cá nhân hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này;

c) Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề đối với cá nhân thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 27 Nghị định này;

d) Trường hợp nước sở tại không có hệ thống cấp giấy phép năng lực hành nghề, cá nhân người nước ngoài thực hiện thủ tục cấp mới chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

đ) Cá nhân người nước ngoài đã được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này nếu tiếp tục hoạt động xây dựng tại Việt Nam thì được thực hiện cấp

chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này sau khi được gia hạn giấy phép lao động hoặc thẻ tạm trú.

2. Chứng chỉ hành nghề của cá nhân bị thu hồi khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Cá nhân không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Nghị định này;

b) Giả mạo giấy tờ, kê khai không trung thực trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề;

c) Cho thuê, cho mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề;

d) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề;

đ) Chứng chỉ hành nghề bị ghi sai thông tin do lỗi của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề;

e) Chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng thẩm quyền;

g) Chứng chỉ hành nghề được cấp khi không đáp ứng yêu cầu về điều kiện năng lực theo quy định;

h) Có sai phạm và bị cơ quan chức năng kiến nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề.

3. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề được đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm a khoản 2 Điều 30 Nghị định này khi đáp ứng điều kiện sau:

a) Sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày có quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề đối với các trường hợp theo quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều này;

b) Sau thời hạn tại quyết định xử phạt vi phạm hành chính tước quyền sử dụng chứng chỉ hành nghề hoặc đình chỉ hoạt động đối với trường hợp theo quy định tại điểm h khoản 2 Điều này.

4. Trường hợp chứng chỉ hành nghề có lĩnh vực không bị thu hồi theo quy định tại các điểm e, h khoản 2 Điều này thì được cấp lại chứng chỉ hành nghề đối với các lĩnh vực không bị thu hồi trên chứng chỉ hành nghề đã được cấp trước đó khi cá nhân có yêu cầu thực hiện theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

5. Cá nhân đã bị thu hồi chứng chỉ hành nghề thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 2 Điều này được cấp lại chứng chỉ hành nghề theo trình tự, thủ tục quy định tại điểm b khoản 2 Điều 30 Nghị định này.

Điều 30. Trình tự cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề

1. Cá nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 39 Nghị định này tại cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề bằng một trong các hình thức:

a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại Điều 39 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm cấp chứng chỉ hành nghề trong thời hạn:

a) 06 ngày làm việc đối với trường hợp cấp mới theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 29 Nghị định này kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện;

b) 05 ngày làm việc đối với trường hợp cấp lại theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định này;

c) 11 ngày làm việc đối với trường hợp cấp chuyển đổi theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định này kể từ ngày có thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đủ điều kiện.

3. Năng lực hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân được đánh giá theo tiêu chí đáp ứng các điều kiện chung và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp theo quy định của Nghị định này.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề quyết định việc cấp chứng chỉ hành nghề sau khi có kết quả đánh giá của Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề đối với hồ sơ đề nghị cấp mới, cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề.

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá hồ sơ của Hội đồng, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề thông báo kết quả đánh giá hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề (thông qua cổng dịch vụ công quốc gia hoặc bằng văn bản điện tử hoặc phương thức phù hợp với hình thức nộp hồ sơ) trước ngày cuối cùng của tháng đối với hồ sơ đã được tiếp nhận đầy đủ, hợp lệ trước ngày 15 của tháng đó hoặc trước ngày 15 của tháng tiếp theo đối với các trường hợp còn lại.

5. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ hoặc không hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề phải thông báo một lần bằng văn bản (nêu rõ lý do) tới cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày cá nhân nộp hồ sơ.

6. Trường hợp trong quá trình xem xét hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề, cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề hoặc Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề phát hiện cá nhân giả mạo giấy tờ, kê khai không trung thực trong hồ sơ thì cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề dừng việc xem xét hồ sơ, thông báo bằng văn bản cho cá nhân biết và không tiếp tục giải quyết hồ sơ đó. Cá nhân thuộc trường hợp này chỉ được nộp lại hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề sau thời hạn 12 tháng kể từ ngày có văn bản thông báo của cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề.

7. Đối với trường hợp thu hồi chứng chỉ hành nghề:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền, trong đó có kiến nghị thu hồi chứng chỉ hành nghề hoặc khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định một trong các trường hợp thu hồi chứng chỉ hành nghề quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành

nghề ban hành quyết định thu hồi và tuyên hủy chứng chỉ hành nghề; trường hợp không thu hồi thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan, tổ chức, cá nhân có kiến nghị thu hồi;

b) Cơ quan ban hành quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi cho cá nhân bị thu hồi; đăng tải trên trang thông tin điện tử của mình; đồng thời cập nhật hoặc gửi thông tin để cập nhật tình trạng thu hồi vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng;

c) Cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề phải nộp lại bản gốc chứng chỉ hành nghề cho cơ quan ra quyết định thu hồi trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi.

Điều 31. Thẩm quyền cấp, thu hồi chứng chỉ hành nghề

1. Thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc cấp chứng chỉ hành nghề cho cá nhân theo quy định. Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

2. Thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề là cơ quan có thẩm quyền thu hồi chứng chỉ hành nghề do mình cấp;

b) Trường hợp chứng chỉ hành nghề được cấp không đúng quy định mà cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề không thực hiện thu hồi thì Bộ Xây dựng trực tiếp quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện việc cấp lại chứng chỉ hành nghề do mình cấp trước đó.

4. Trường hợp cá nhân bị thu hồi chứng chỉ hành nghề, cơ quan thu hồi thực hiện cập nhật tình trạng thu hồi chứng chỉ hành nghề vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày quyết định thu hồi có hiệu lực.

Điều 32. Quyền, nghĩa vụ của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề

1. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề có các quyền sau:

a) Được yêu cầu cung cấp thông tin về việc cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Được hành nghề hoạt động xây dựng trên phạm vi cả nước theo nội dung ghi trên chứng chỉ hành nghề;

c) Khiếu nại, tố cáo các hành vi vi phạm các quy định của pháp luật về cấp chứng chỉ hành nghề.

2. Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề có các nghĩa vụ sau:

a) Khai báo trung thực hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Nghị định này; chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung kê khai trong hồ sơ; cung cấp thông tin khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

b) Hành nghề đúng với nội dung ghi trên chứng chỉ hành nghề, tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng và pháp luật khác có liên quan;

c) Không cho người khác thuê, mượn, sử dụng chứng chỉ hành nghề;

d) Không tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ hành nghề;

đ) Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp;

e) Xuất trình chứng chỉ hành nghề và chấp hành các yêu cầu về thanh tra, kiểm tra khi các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Điều 33. Điều kiện chung để được cấp chứng chỉ hành nghề

Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề khi đáp ứng các điều kiện chung như sau:

1. Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

2. Có trình độ chuyên môn phù hợp theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này. Trình độ chuyên môn phù hợp được xác định trên cơ sở chuyên ngành đào tạo được ghi tại văn bằng; trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo thì việc xác định chuyên môn đào tạo phù hợp được căn cứ vào bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng; chuyên môn đào tạo phù hợp được xác định khi có môn học hoặc đồ án môn học hoặc đồ án tốt nghiệp phù hợp với lĩnh vực, nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Có kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp với hạng và lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trong vòng 10 năm gần nhất tính đến thời điểm đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Trường hợp sử dụng kinh nghiệm nghề nghiệp phù hợp nhưng quá 10 năm thì được đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề thấp hơn 01 hạng tại cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

4. Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề như sau:

a) Hạng I: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 07 năm trở lên;

b) Hạng II: Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên;

c) Hạng III: Có chuyên ngành hoặc chuyên môn đào tạo phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng.

5. Thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp quy định tại khoản 4 Điều này được tính từ thời điểm cá nhân tham gia hoạt động xây dựng thể hiện tại đơn đề nghị cấp

hoặc đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoặc hợp đồng lao động hoặc xác nhận của bên sử dụng lao động hoặc bảo hiểm xã hội hoặc các giấy tờ tương tự. Trường hợp các thông tin này đã có trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng và đủ điều kiện khai thác, sử dụng theo quy định thì được sử dụng thay thế các giấy tờ tương ứng.

Điều 34. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 33 Nghị định này và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:

1. Hạng I:

a) Đối với khảo sát địa hình: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án từ nhóm A trở lên hoặc 02 dự án nhóm B hoặc 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II;

b) Đối với khảo sát địa chất: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II:

a) Đối với khảo sát địa hình: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

b) Đối với khảo sát địa chất: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

Điều 35. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch đô thị và nông thôn

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề lập quy hoạch đô thị và nông thôn khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 33 Nghị định này và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn của lĩnh vực chuyên môn 01 quy hoạch đô thị và nông thôn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt hoặc 02 quy hoạch đô thị và nông thôn (trong đó có 01 quy hoạch chung hoặc quy hoạch phân khu) đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì lập quy hoạch đô thị và nông thôn của lĩnh vực chuyên môn 01 quy hoạch đô thị và nông thôn đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 quy hoạch đô thị và nông thôn đã được Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

3. Hạng III: Đã tham gia lập quy hoạch đô thị và nông thôn của lĩnh vực chuyên môn 02 quy hoạch đô thị và nông thôn đã được phê duyệt.

Điều 36. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề thiết kế xây dựng khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 33 Nghị định này và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:

1. Hạng I: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế xây dựng, thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia thiết kế hoặc thẩm tra thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình cấp IV.

Điều 37. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp để được cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng

Cá nhân được xét cấp chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng khi đáp ứng điều kiện chung quy định tại Điều 33 Nghị định này và điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp tương ứng với các hạng chứng chỉ hành nghề như sau:

1. Hạng I: Đã làm giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II.

2. Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III.

3. Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc đã tham gia thiết kế xây dựng hoặc đã tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV. Trường hợp tham gia giám sát thi công xây dựng theo quy định tại khoản này không yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề.

Điều 38. Điều kiện kinh nghiệm nghề nghiệp để hành nghề giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng và chỉ huy trưởng công trường

1. Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng phải có chuyên môn phù hợp theo quy định tại mục 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng như sau:

a) Hạng I: Có trình độ đại học; có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 07 năm trở lên; đã làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án từ nhóm A trở lên hoặc 02 dự án nhóm B hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình từ cấp I trở lên hoặc 02 công trình cấp II;

b) Hạng II: Có trình độ đại học; có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 04 năm trở lên; đã làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án nhóm B hoặc 02 dự án nhóm C hoặc đã làm chỉ huy trưởng công trường phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình cấp II hoặc 02 công trình cấp III;

c) Hạng III: Có thời gian kinh nghiệm tham gia hoạt động xây dựng từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng; đã tham gia quản lý dự án đầu tư xây dựng 01 dự án từ nhóm C trở lên hoặc đã tham gia thi công xây dựng phần việc thuộc nội dung hành nghề 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình cấp IV.

2. Cá nhân có chuyên môn phù hợp theo quy định tại mục 6 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này và đáp ứng các điều kiện tương ứng với các hạng theo quy định tại điểm a, b và c khoản 1 Điều này thì đủ điều kiện đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường với các hạng tương ứng.

Điều 39. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề

1. Hồ sơ đề nghị cấp mới chứng chỉ hành nghề theo quy định tại các điểm a, d khoản 1 Điều 29 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với lĩnh vực, hạng chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp; trường hợp trên văn bằng không ghi hoặc ghi không rõ chuyên ngành đào tạo thì phải nộp kèm bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để làm cơ sở kiểm tra, đánh giá (đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, trường hợp cá nhân là người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; các trường hợp còn lại văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được hệ thống giáo dục Việt Nam công nhận). Trường hợp thông tin về văn bằng, trình độ đào tạo, chuyên ngành đào tạo đã được lưu trữ, kết nối, chia sẻ và xác thực từ Cơ sở dữ liệu ngành Giáo dục hoặc cơ sở dữ liệu có thẩm quyền khác thì cá nhân không phải nộp tài liệu này;

d) Chứng chỉ hành nghề (nếu có) đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trước đó phù hợp với thời gian và phạm vi chứng minh kinh nghiệm. Trường hợp thông tin chứng chỉ hành nghề đã được lưu trữ, cập nhật, kết nối, chia sẻ và xác thực trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng hoặc cơ sở dữ liệu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì cá nhân không phải nộp tài liệu này;

đ) Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện hợp pháp của chủ đầu tư và chịu trách nhiệm về tính trung thực của nội dung xác nhận về các công việc mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai hoặc văn bản của các cơ quan chuyên môn về xây dựng có nội dung liên quan đến kinh nghiệm của cá nhân kê khai; hợp đồng kinh tế và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện đã kê khai đối với trường hợp cá nhân hành nghề độc lập;

e) Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

g) Các tài liệu quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản này phải là bản sao có chứng thực trong trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp, nộp qua dịch vụ bưu chính hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định trong trường hợp nộp trực tuyến.

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 29 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 01 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Bản gốc chứng chỉ hành nghề đề nghị cấp lại. Trường hợp bị mất chứng chỉ hành nghề hoặc đã bị cơ quan có thẩm quyền thu hồi theo quy định tại khoản 4 Điều 29 Nghị định này thì phải có cam kết của người đề nghị cấp lại.

3. Hồ sơ đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề quy định tại điểm c khoản 1 Điều 29 Nghị định này, gồm:

a) Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo Mẫu số 02 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này là bản gốc trong trường hợp nộp trực tiếp hoặc thông qua dịch vụ bưu chính; trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Tệp tin ảnh màu cỡ 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề được chụp trong thời gian không quá 06 tháng;

c) Văn bằng, giấy phép năng lực hành nghề do cơ sở đào tạo nước ngoài, cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự và bản dịch tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam;

d) Giấy tờ về cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam;

đ) Các tài liệu quy định tại các điểm c, d khoản này phải là bản sao có chứng thực hoặc tệp tin bản sao điện tử được chứng thực theo quy định.

4. Cá nhân thực hiện nộp lệ phí khi nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Việc thu, nộp, quản lý sử dụng lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề thực hiện theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 40. Hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề

1. Người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề quyết định thành lập hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề (sau đây gọi tắt là hội đồng) để đánh giá năng lực hoạt động xây dựng phục vụ xét cấp chứng chỉ hành nghề đối với trường hợp đề nghị cấp mới, cấp chuyển đổi. Việc đánh giá được thực hiện trên cơ sở kết quả tổng hợp hồ sơ năng lực hoạt động xây dựng của các cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề do đơn vị trực thuộc cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề được giao nhiệm vụ giải quyết hồ sơ.

2. Thành phần hội đồng bao gồm:

a) Chủ tịch hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề;

b) Ủy viên thường trực là công chức, viên chức của cơ quan này;

c) Các ủy viên tham gia hội đồng là những công chức, viên chức và các chuyên gia có chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp mới, cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề;

d) Thư ký hội đồng là công chức, viên chức của cơ quan cấp chứng chỉ hành nghề.

3. Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, theo quy chế do Chủ tịch hội đồng quyết định ban hành.

4. Quy chế hoạt động của Hội đồng bao gồm các nội dung về nguyên tắc làm việc; cơ cấu, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng và từng thành viên Hội đồng; quy trình đánh giá năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân; kinh phí hoạt động của Hội đồng.

Mục 2 CÔNG KHAI THÔNG TIN NĂNG LỰC VỀHOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA TỔ CHỨC

Điều 41. Công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức tham gia hoạt động xây dựng

1. Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng tự công khai thông tin về năng lực hoạt động xây dựng trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ https://csdlhdxd.gov.vn.

2. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, trung thực đối với các thông tin công khai.

3. Nội dung công khai:

a) Tên tổ chức;

b) Địa chỉ trụ sở chính;

c) Người đại diện theo pháp luật: Họ và tên; chức vụ; số điện thoại liên hệ;

d) Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập;

đ) Năng lực hoạt động xây dựng được thu thập từ Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng;

e) Hạng và lĩnh vực hành nghề theo chứng chỉ năng lực đã được cấp (nếu có).

4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức kê khai thông tin và tuân thủ xác thực theo quy định trên hệ thống. Việc cập nhật, điều chỉnh, đính chính thông tin phải được ghi nhật ký trên trang thông tin điện tử.

Mục 3 GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CHONHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI

Điều 42. Nguyên tắc quản lý hoạt động của nhà thầu nước ngoài

1. Nhà thầu nước ngoài chỉ được hoạt động xây dựng tại Việt Nam sau khi được cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

2. Hoạt động của nhà thầu nước ngoài tại Việt Nam phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam và các điều ước quốc tế có liên quan mà Việt Nam ký kết hoặc gia nhập.

Điều 43. Điều kiện cấp giấy phép hoạt động xây dựng

1. Nhà thầu nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động xây dựng khi có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư hoặc nhà thầu chính (nhà thầu phụ).

2. Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.

Điều 44. Hồ sơ đề nghị, thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động xây dựng

1. Nhà thầu nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều này tới cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng một trong các hình thức:

a) Trực tiếp tại Bộ phận Một cửa;

b) Thông qua dịch vụ bưu chính;

c) Trực tuyến trên cổng dịch vụ công quốc gia.

2. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng gồm:

a) Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo Mẫu số 04, Mẫu số 07 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hợp pháp;

c) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định đối với giấy phép thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với tổ chức và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp;

d) Biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động liên quan đến các công việc nhận thầu và bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định đối với báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính trong 03 năm gần nhất (đối với trường hợp không thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); đối với nhà thầu thành lập dưới 03 năm thì nộp báo cáo tổng hợp kiểm toán tài chính theo số năm được thành lập;

đ) Bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định đối với Hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng chính thức hoặc hợp đồng nguyên tắc với nhà thầu phụ Việt Nam để thực hiện công việc nhận thầu (đã có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu);

e) Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu theo Mẫu số 06 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này hoặc giấy ủy quyền hợp pháp có nội dung tương đương.

3. Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự. Các giấy tờ, tài liệu quy định tại các điểm b, c, đ và e khoản 2 Điều này nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức thực hiện cấp giấy phép hoạt động xây dựng (bao gồm cả giấy phép điều chỉnh) cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn hành chính của tỉnh. Căn cứ tình hình thực tiễn của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp hoặc ủy quyền thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương. Trường hợp nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng trên địa bàn của 02 đơn vị hành chính cấp tỉnh trở lên thì cơ quan có thẩm quyền cấp là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc địa phương nơi nhà thầu nước ngoài dự kiến đặt văn phòng điều hành.

b) Mẫu giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 08, Mẫu số 09 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 45. Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng

1. Sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, trường hợp thay đổi về tên, địa chỉ của nhà thầu hoặc thay đổi về thành viên trong liên danh nhà thầu hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp, nhà thầu nước ngoài nộp 01 bộ hồ sơ bằng một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 44 Nghị định này đến cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng để được xem xét điều chỉnh giấy

phép hoạt động xây dựng đã cấp. Giấy phép điều chỉnh hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 10 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng gồm:

a) Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng được quy định theo Mẫu số 11 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này. Trường hợp nộp trực tuyến thì kê khai thông tin trên biểu mẫu điện tử tương tác trên cổng dịch vụ công quốc gia;

b) Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh là bản sao có chứng thực hoặc bản sao điện tử được chứng thực theo quy định. Trường hợp tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam; trường hợp pháp luật có yêu cầu hợp pháp hóa lãnh sự thì thực hiện theo quy định.

Điều 46. Thời hạn và lệ phí cấp, điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

1. Cơ quan có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 4 Điều 44 Nghị định này xem xét hồ sơ để cấp, điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Trường hợp không cấp hoặc không điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép hoạt động xây dựng phải trả lời bằng văn bản cho nhà thầu và nêu rõ lý do.

2. Khi nhận Giấy phép hoạt động xây dựng, nhà thầu nước ngoài phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Giấy phép hoạt động xây dựng hết hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Hợp đồng thầu đã hoàn thành và được thanh lý;

b) Hợp đồng không còn hiệu lực khi nhà thầu nước ngoài bị đình chỉ hoạt động, giải thể, phá sản hoặc vì các lý do khác theo quy định của pháp luật Việt Nam và pháp luật của nước mà nhà thầu có quốc tịch.

Điều 47. Thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng

1. Nhà thầu nước ngoài bị thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng;

b) Sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung giấy phép hoạt động xây dựng;

c) Giấy phép hoạt động xây dựng bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

2. Thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng:

a) Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng là cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng do mình cấp;

b) Trường hợp giấy phép hoạt động xây dựng được cấp không đúng quy định mà cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép không thực hiện thu hồi thì Bộ Xây dựng trực tiếp quyết định thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng.

3. Trình tự thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng:

a) Trong thời hạn 08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết luận thanh tra, văn bản kiểm tra của cơ quan quản lý nhà nước về xây dựng, trong đó có kiến nghị thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng hoặc khi phát hiện hoặc có căn cứ xác định một trong các trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng quy định tại khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt

động xây dựng ban hành quyết định thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng; trường hợp không thu hồi thì phải có ý kiến bằng văn bản gửi cơ quan kiến nghị;

b) Cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng có trách nhiệm gửi quyết định thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức, cá nhân bị thu hồi; đồng thời gửi cho chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan để biết;

c) Tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng phải nộp lại bản gốc giấy phép hoạt động xây dựng cho cơ quan ra quyết định thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi;

d) Đối với trường hợp thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp giấy phép hoạt động xây dựng, cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng có trách nhiệm cấp lại giấy phép hoạt động xây dựng trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy phép hoạt động xây dựng bị thu hồi; đối với các vi phạm tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài chỉ xem xét cấp giấy phép sau 12 tháng, kể từ ngày ban hành quyết định thu hồi;

đ) Trường hợp tổ chức, cá nhân bị thu hồi giấy phép hoạt động xây dựng không nộp lại giấy phép hoạt động xây dựng theo quy định, cơ quan có thẩm quyền thu hồi ra quyết định tuyên hủy giấy phép hoạt động xây dựng, gửi cho tổ chức, cá nhân bị tuyên hủy giấy phép hoạt động xây dựng, đồng thời gửi thông tin tới chủ đầu tư và các cơ quan có liên quan để biết.

Điều 48. Quyền và nghĩa vụ của nhà thầu nước ngoài

1. Nhà thầu nước ngoài có các quyền sau:

a) Yêu cầu các cơ quan có chức năng hướng dẫn việc lập hồ sơ xin cấp giấy phép hoạt động xây dựng và các vấn đề khác liên quan đến hoạt động của nhà thầu theo quy định của Nghị định này;

b) Khiếu nại, tố cáo những hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc theo quy định của Nghị định này;

c) Được bảo vệ quyền lợi hợp pháp trong kinh doanh tại Việt Nam theo giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.

2. Nhà thầu nước ngoài có các nghĩa vụ sau:

a) Lập văn phòng điều hành tại nơi có dự án sau khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng; đăng ký địa chỉ, số điện thoại, số fax, e-mail, dấu, tài khoản, mã số thuế của văn phòng điều hành. Đối với các hợp đồng thực hiện lập quy hoạch đô thị và nông thôn, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình, nhà thầu nước ngoài được lập văn phòng điều hành tại nơi đăng ký trụ sở của chủ đầu tư hoặc không lập văn phòng điều hành tại Việt Nam. Đối với hợp đồng thực hiện thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng công trình đi qua nhiều tỉnh, nhà thầu nước ngoài lập văn phòng điều hành tại địa phương đã cấp giấy phép hoạt động xây dựng. Văn phòng điều hành chỉ tồn tại trong thời gian thực hiện hợp đồng và giải thể khi hết hiệu lực của hợp đồng. Thông báo văn phòng điều hành của nhà thầu nước ngoài theo Mẫu số 13 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Đăng ký, hủy mẫu con dấu, nộp lại con dấu khi kết thúc hợp đồng theo quy định của pháp luật. Nhà thầu nước ngoài chỉ sử dụng con dấu này trong công việc phục vụ thực hiện hợp đồng tại Việt Nam theo quy định tại giấy phép hoạt động xây dựng;

c) Đăng ký và nộp thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam, thực hiện chế độ kế toán, mở tài khoản, thanh toán theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để phục vụ hoạt động kinh doanh theo hợp đồng;

d) Thực hiện việc tuyển lao động, sử dụng lao động Việt Nam và lao động là người nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam về lao động; chỉ được phép đăng ký đưa vào Việt Nam những chuyên gia quản lý kinh tế, quản lý kỹ thuật và người có tay nghề cao mà Việt Nam không đủ khả năng đáp ứng;

đ) Thực hiện các thủ tục xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị liên quan đến hợp đồng nhận thầu tại Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam;

e) Thực hiện hợp đồng liên danh đã ký kết với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam đã được xác định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng;

g) Mua bảo hiểm theo quy định của pháp luật Việt Nam đối với công việc của nhà thầu gồm: Bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp đối với nhà thầu tư vấn đầu tư xây dựng; bảo hiểm tài sản hàng hóa đối với nhà thầu mua sắm; các loại bảo hiểm đối với nhà thầu thi công xây dựng và các chế độ bảo hiểm khác theo quy định của pháp luật Việt Nam;

h) Đăng kiểm chất lượng vật tư, thiết bị nhập khẩu cung cấp theo hợp đồng nhận thầu;

i) Đăng kiểm an toàn thiết bị thi công xây dựng và phương tiện giao thông liên quan đến hoạt động kinh doanh của nhà thầu nước ngoài theo quy định của pháp luật Việt Nam;

k)Tuân thủ các quy định về quy chuẩn, tiêu chuẩn, về quản lý chất lượng công trình xây dựng, an toàn lao động và bảo vệ môi trường cũng như các quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan;

l) Khi hoàn thành công trình, nhà thầu nước ngoài phải lập hồ sơ hoàn thành công trình; chịu trách nhiệm bảo hành; quyết toán vật tư, thiết bị nhập khẩu; xử lý vật tư, thiết bị còn dư trong hợp đồng thi công xây dựng công trình theo quy định về xuất nhập khẩu; tái

xuất các vật tư, thiết bị thi công đã đăng ký theo chế độ tạm nhập - tái xuất; thanh lý hợp đồng; đồng thời thông báo tới các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về việc kết thúc hợp đồng, chấm dứt sự hoạt động của văn phòng điều hành công trình theo Mẫu số 12 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định này.

Điều 49. Trách nhiệm của chủ đầu tư hoặc chủ dự án hoặc nhà thầu chính đối với nhà thầu nước ngoài

1. Chỉ được ký hợp đồng giao nhận thầu khi đã có Giấy phép hoạt động xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp cho nhà thầu nước ngoài; hướng dẫn nhà thầu nước ngoài tuân thủ các quy định tại Nghị định này; cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến công trình nhận thầu mà nhà thầu nước ngoài phải kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thầu. Quản lý việc đăng ký xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng thuộc trách nhiệm của nhà thầu nước ngoài theo quy định của Nghị định này.

2. Giám sát nhà thầu nước ngoài thực hiện đúng các cam kết trong hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam theo nội dung quy định tại Điều 43 Nghị định này.

3. Xem xét khả năng cung cấp thiết bị thi công xây dựng trong nước trước khi thỏa thuận danh mục máy móc, thiết bị thi công của nhà thầu nước ngoài xin tạm nhập - tái xuất.

4. Xem xét khả năng cung cấp lao động kỹ thuật tại Việt Nam trước khi thỏa thuận với nhà thầu nước ngoài về danh sách nhân sự người nước ngoài làm việc cho nhà thầu xin nhập cảnh vào Việt Nam để thực hiện các công việc thuộc hợp đồng của nhà thầu nước ngoài.

5. Xác nhận quyết toán vật tư, thiết bị nhập khẩu của nhà thầu nước ngoài khi hoàn thành công trình.

6. Thông báo bằng văn bản cho các nhà thầu khác và các cơ quan quản lý chất lượng xây dựng biết về chức năng, nhiệm vụ của nhà thầu khi sử dụng nhà thầu nước ngoài để thực hiện tư vấn quản lý dự án, giám sát chất lượng xây dựng.

Chương V TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC

Điều 50. Trách nhiệm của Bộ Xây dựng

1. Tổ chức xây dựng, quản lý, quản trị và duy trì Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng gồm các công việc sau:

a) Xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hệ thống phần mềm quản lý Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng;

b) Cập nhật, bổ sung, kết nối, chia sẻ dữ liệu trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng;

c) Kết nối cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành khác vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; chia sẻ dữ liệu hoạt động xây dựng với các hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin khác;

d) Thực hiện chọn lọc, làm sạch và cập nhật dữ liệu, thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng.

2. Ban hành lộ trình thực hiện các công việc tại khoản 1 Điều này.

3. Kết nối, cung cấp dữ liệu từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng lên cổng dữ liệu quốc gia phục vụ cơ quan, tổ chức và cá nhân khai thác thông tin theo quy định tại Nghị định này. Việc kết nối, chia sẻ thông tin phải bảo đảm bí mật nhà nước, bí mật cá nhân theo các quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

4. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an và các cơ quan có liên quan xây dựng phương án, giải pháp ứng cứu sự cố về an toàn thông tin, an ninh mạng cho Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; xây dựng và thực hiện giải pháp giám sát an toàn Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

5. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các cơ quan có liên quan xây dựng, ban hành theo thẩm quyền quy định kỹ thuật về cấu trúc dữ liệu trao đổi, các quy chế, quy trình chia sẻ dữ liệu trong phạm vi dữ liệu chuyên ngành thuộc thẩm quyền quản lý.

6. Chủ trì, phối hợp với Bộ Công an, Bộ Công Thương trong việc xác định, thống nhất danh mục dữ liệu mở đối với các dự án đầu tư xây dựng, công trình năng lượng thuộc danh mục công trình quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia.

7. Hướng dẫn thực hiện các quy định của Nghị định này, kiểm tra về công tác thu thập, cung cấp, cập nhật, điều chỉnh, quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu, thông tin trong Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng; kiểm tra, giám sát việc cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

8. Xây dựng đề án thu phí khai thác và sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, gửi Bộ Tài chính xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo thẩm quyền.

Điều 51. Trách nhiệm của Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Phối hợp với Bộ Xây dựng kết nối Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia để cung cấp các dịch vụ dữ liệu cho các hệ thống thông tin trong cơ quan nhà nước.

2. Phối hợp với Bộ Xây dựng để kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu, thông tin từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Công an

1. Phối hợp với Bộ Xây dựng để xác định danh mục dữ liệu chủ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng để đồng bộ về Trung tâm dữ liệu quốc gia.

2. Phối hợp với Bộ Xây dựng bảo đảm an ninh, an toàn dữ liệu, phòng ngừa, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật liên quan đến dữ liệu thuộc Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo chức năng, nhiệm vụ được giao.

3. Phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với Trung tâm dữ liệu quốc gia và các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác theo quy định của pháp luật về dữ liệu.

4. Phối hợp với Bộ Xây dựng bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng với cổng Dịch vụ công quốc gia, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo quy định.

5. Phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hồ sơ thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực quy hoạch, hoạt động xây dựng trên cổng Dịch vụ công quốc gia với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng nhằm phục vụ giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công và công tác quản lý nhà nước.

Điều 53. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

Phối hợp với Bộ Xây dựng trong việc xác định mức chi cho hoạt động hỗ trợ kinh phí bảo đảm kết nối, chia sẻ; hỗ trợ bù đắp chi phí tạo lập, thu thập dữ liệu.

Điều 54. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã

1. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc thực hiện việc nhập, cập nhật dữ liệu thuộc thẩm quyền vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của Nghị định này; xây dựng quy chế nhập, cập nhật dữ liệu bảo đảm phù hợp quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Xây dựng.

2. Các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp xã có trách nhiệm chia sẻ, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, hệ thống thông tin đang quản lý với Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng theo quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin, giao dịch điện tử, dữ liệu và các quy định của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước, phù hợp với các quy định về bảo mật và an toàn thông tin, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

3. Đối với dữ liệu từ hồ sơ quản lý của cơ quan nhà nước chưa được số hóa, chuẩn hóa, cập nhật trên hệ thống thì Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành có trách nhiệm quy định lộ trình cập nhật bảo đảm phục vụ cho công tác quản lý.

4. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ban hành các thủ tục theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định này chịu trách nhiệm:

a) Bảo đảm độ chính xác, tính pháp lý và tiến độ nhập, cập nhật dữ liệu;

b) Ban hành quy định nội bộ về quyền hạn và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được giao quản lý, sử dụng tài khoản để nhập, cập nhật dữ liệu vào Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng bảo đảm thi hành hiệu lực, hiệu quả phù hợp với quy định của Nghị định này, các quy định pháp luật khác có quy định về thủ tục và quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

c) Căn cứ báo cáo số liệu trên hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng để xem xét, đánh giá, xử lý tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với thủ tục đã ban hành kết quả từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2026 mà chưa cập nhật đầy đủ dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng theo quy định tại Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng thì tổ chức ban hành thủ tục theo quy định tại khoản 7 Điều 3 Nghị định này có trách nhiệm cập nhật dữ liệu vào hệ thống tại địa chỉ https://csdlhdxd.gov.vn theo quy định.

2. Cá nhân đã nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì được xét cấp chứng chỉ theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng. Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện sát hạch thì cá nhân được cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo nội dung đánh giá của hội đồng mà không phải sát hạch.

3. Trường hợp cá nhân đã nộp hồ sơ và đã sát hạch nhưng chưa đạt và còn thời hạn bảo lưu theo quy định của Nghị định số 175/2024/NĐ-CP tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện nộp hồ sơ cấp mới theo quy định của Nghị định này.

4. Cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định này thực hiện việc cấp lại chứng chỉ hành nghề do cơ quan chuyên môn về xây dựng thuộc Bộ Xây dựng, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp trước đó đối với cá nhân có nhu cầu.

5. Cá nhân được cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành được tiếp tục sử dụng chứng chỉ theo lĩnh vực và phạm vi hoạt động xây dựng được ghi trên chứng chỉ đến khi hết hạn. Trường hợp có lĩnh vực được mở rộng phạm vi theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP và Nghị định này thì được áp dụng theo quy định tại Nghị định này.

6. Các tổ chức xã hội - nghề nghiệp được công nhận đủ điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề theo quy định tại Nghị định số 175/2024/NĐ-CP được thực hiện cấp chứng chỉ cho các cá nhân là hội viên, thành viên của đơn vị hội viên đã nộp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành.

Điều 56. Xử lý vi phạm, khen thưởng, kỷ luật, trách nhiệm liên quan khi xây dựng, cập nhật dữ liệu vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi làm sai, làm giả, tạo lập, cập nhật dữ liệu không đúng, không kịp thời hoặc hành vi vi phạm khác thì căn cứ vào hành vi vi phạm, hậu quả xảy ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

2. Việc xử phạt vi phạm hành chính trong tạo lập, cập nhật dữ liệu thực hiện theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực xây dựng, lĩnh vực khác có liên quan.

3. Đối với dự án đầu tư công, công trình xây dựng thuộc dự án đầu tư công, dự án đầu tư theo phương thức đối tác công tư, dự án sử dụng chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước, vốn ngân sách nhà nước khác không thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về đầu tư công, cơ quan chủ trì thẩm định của người quyết định đầu tư, cơ quan chuyên môn về xây dựng, chủ đầu tư hoặc người được chủ đầu tư ủy quyền thực hiện việc tạo lập, cập nhật dữ liệu không đúng, đủ nội dung, trình tự và thời gian theo quy định của Nghị định này và hướng dẫn của Bộ Xây dựng thì tùy mức độ vi phạm phải bị xử lý theo quy định của pháp luật, quy chế có liên quan.

4. Báo cáo hàng tháng, hàng quý, hàng năm tự động trên Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng về tình hình nhập, tạo lập, cập nhật dữ liệu là căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, khen thưởng, kỷ luật tổ chức, cá nhân có liên quan khi thực thi quy định của Nghị định này.

5. Cơ quan quản lý hệ thống có trách nhiệm tổ chức đối chiếu, hậu kiểm, ghi nhật ký chỉnh sửa đối với dữ liệu do tổ chức, cá nhân tự kê khai, tự công khai; trường hợp phát hiện dữ liệu không chính xác, không trung thực thì yêu cầu cập nhật, đính chính, tạm ẩn hoặc gỡ bỏ và xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Nghị định số 111/2024/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định về Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành.

3. Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng được xây dựng, vận hành theo quy định của Nghị định số 111/2024/NĐ-CP được tiếp tục thực hiện cho đến khi Hệ thống thông tin về hoạt động xây dựng được vận hành theo quy định của Nghị định này.

4. Các quy định sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành:

a) Khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 10 và khoản 4 Điều 45 Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

b) Các điểm a, m, n và r khoản 1 Điều 28 Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

c) Điều 22 Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng.

Điều 58. Trách nhiệm thi hành

Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, CĐS (2).

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG
Đã ký
Phạm Gia Túc

Phụ lục I CHUYÊN MÔN VÀ LĨNH VỰC CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Chuyên môn	
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng**	**Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo**
1	Lĩnh vực khảo sát xây dựng	Lĩnh vực khảo sát xây dựng	Lĩnh vực khảo sát xây dựng	Lĩnh vực khảo sát xây dựng
1.1	Khảo sát địa hình	Khảo sát địa hình	Chuyên ngành đào tạo về trắc địa, bản đồ hoặc các chuyên ngành kỹ	Có môn học về trắc địa, bản đồ.

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Chuyên môn	
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng**	**Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo**
			thuật xây dựng có liên quan.	
1.2	Khảo sát địa chất công trình	Khảo sát địa chất công trình	Chuyên ngành đào tạo về địa chất công trình, địa chất thủy văn hoặc các chuyên ngành kỹ thuật xây dựng có liên quan.	Có môn học về địa chất công trình, địa chất thủy văn.
2	Lĩnh vực lập quy hoạch đô thị và nông thôn			
	Lập quy hoạch đô thị và nông thôn	Lập quy hoạch đô thị và nông thôn	Chuyên ngành đào tạo về kiến trúc (không bao gồm: thiết kế nội thất và kiến trúc nội thất, cảnh quan), quy hoạch xây dựng, giao thông, kỹ thuật điện, cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải, tài nguyên nước và hạ tầng kỹ thuật đô thị, kinh tế đô thị.	
3	Lĩnh vực thiết kế xây dựng			
3.1	Thiết kế xây dựng công trình	Kết cấu công trình	Chuyên ngành đào tạo về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp.
3.2		Công trình Khai thác mỏ	Chuyên ngành đào tạo về công trình ngầm và mỏ.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình ngầm và mỏ.
3.3		Công trình Đường bộ	Chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông đường bộ.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình giao thông đường bộ.
3.4		Công trình Đường sắt	Chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông đường sắt.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình giao thông đường sắt.
3.5		Công trình Cầu - Hầm	Chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông cầu, hầm.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình giao thông cầu, hầm.
3.6		Công trình Đường thủy nội địa - Hàng hải	Chuyên ngành đào tạo về công trình giao thông đường thủy nội địa, cảng đường thủy,	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình giao thông đường thủy

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Chuyên môn	
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng**	**Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo**
			công trình trên sông, công trình cảng biển	nội địa, cảng đường thủy, công trình trên sông, công trình cảng biển.
3.7		Công trình Thủy lợi, đê điều	Chuyên ngành đào tạo về công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình thủy lợi, thủy điện, đê điều.
3.8		Công trình Cấp nước - thoát nước	Chuyên ngành đào tạo về công trình cấp nước - thoát nước.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về công trình cấp nước - thoát nước.
3.9		Công trình Xử lý chất thải rắn	Chuyên ngành đào tạo về kỹ thuật môi trường.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về kỹ thuật môi trường.
3.10	Thiết kế cơ - điện công trình	Hệ thống điện	Chuyên ngành đào tạo về kỹ thuật điện.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về kỹ thuật điện.
3.11		Hệ thống cấp - thoát nước công trình	Chuyên ngành đào tạo về cấp nước, thoát nước trong công trình.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về cấp nước, thoát nước trong công trình.
3.12		Hệ thống thông gió - cấp thoát nhiệt	Chuyên ngành đào tạo về kỹ thuật thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh, vi khí hậu.	Có các môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp về kỹ thuật thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh, vi khí hậu.
4	Lĩnh vực giám sát thi công xây dựng			
4.1	Giám sát công tác xây dựng công trình	Giám sát công tác xây dựng công trình	Chuyên ngành đào tạo về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, kiến trúc, kinh tế xây dựng và chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình.	Có môn học về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, kiến trúc, kinh tế xây dựng và chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình.
4.2	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình	Chuyên ngành đào tạo về kỹ thuật điện, thông gió - cấp thoát nhiệt,	Có môn học về kỹ thuật điện, thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh,

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Chuyên môn	
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng**	**Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo**
			nhiệt lạnh, vi khí hậu, cấp nước - thoát nước trong công trình.	vi khí hậu, cấp nước - thoát nước trong công trình.
5	Giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng - Lĩnh vực không yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề			
	Giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng	Giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng	Chuyên ngành đào tạo về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, kiến trúc, kinh tế xây dựng và chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình; kỹ thuật điện, thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh, vi khí hậu, cấp nước - thoát nước trong công trình.	Có môn học về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, kiến trúc, kinh tế xây dựng và chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình; kỹ thuật điện, thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh, vi khí hậu, cấp nước - thoát nước trong công trình.
6	Chỉ huy trưởng công trường - Lĩnh vực không yêu cầu cấp chứng chỉ hành nghề			
6.1	Chỉ huy trưởng công tác thi công xây dựng công trình	Chỉ huy trưởng công tác thi công xây dựng công trình	Chuyên ngành đào tạo về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình giao thông, thủy điện, công trình thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, kiến trúc, kinh tế xây dựng và chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình.	Có môn học về kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp, công trình ngầm và mỏ, công trình giao thông, công trình thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, kiến trúc, kinh tế xây dựng và chuyên ngành kỹ thuật có liên quan đến xây dựng công trình.
6.2	Chỉ huy trưởng công tác lắp đặt thiết bị công trình	Chỉ huy trưởng công tác lắp đặt thiết bị công trình	Chuyên ngành đào tạo về kỹ thuật điện, thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh, vi khí hậu, cấp nước - thoát nước trong công trình.	Có môn học về kỹ thuật điện, thông gió - cấp thoát nhiệt, nhiệt lạnh, vi khí hậu, cấp nước - thoát nước trong công trình.
* Ghi chú: - Đối với văn bằng đào tạo không thuộc hệ thống giáo dục Việt Nam, hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề căn cứ bảng điểm/phụ lục văn bằng để đánh giá tương đương. - Khi xét chuyên môn đào tạo phù hợp, hội đồng xét cấp chứng chỉ hành nghề căn cứ bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng để đánh giá nội dung đào tạo tương đương với đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp.				

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Chuyên môn	
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Chuyên ngành đào tạo theo văn bằng**	**Chuyên môn đào tạo phù hợp thể hiện tại bảng điểm hoặc phụ lục văn bằng trong trường hợp văn bằng không ghi rõ chuyên ngành đào tạo**
- Cụm từ "các chuyên ngành kỹ thuật có liên quan" tại Phụ lục này được hiểu là các chuyên ngành đào tạo thuộc cùng nhóm kỹ thuật, có nội dung đào tạo, môn học, đồ án môn học, đồ án tốt nghiệp hoặc nội dung đào tạo tương đương phù hợp trực tiếp với lĩnh vực, nội dung hành nghề đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề. Việc xác định chuyên ngành kỹ thuật có liên quan phải căn cứ vào văn bằng, bảng điểm, phụ lục văn bằng và nội dung đào tạo thực tế của cá nhân.				

Phụ lục II LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG CỦA CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Hạng I**	**Hạng II**	**Hạng III**
1	**Lĩnh vực khảo sát xây dựng**				
1.1	Khảo sát địa hình	Khảo sát địa hình	Được làm chủ nhiệm khảo sát địa hình, giám sát khảo sát địa hình tất cả các nhóm dự án, các cấp công trình	Được làm chủ nhiệm khảo sát địa hình, giám sát khảo sát địa hình các dự án từ nhóm B trở xuống, công trình từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm khảo sát địa hình, giám sát khảo sát địa hình dự án nhóm c, công trình từ cấp III trở xuống.
1.2	Khảo sát địa chất công trình	Khảo sát địa chất công trình	Được làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, giám sát khảo sát địa chất tất cả các cấp công trình.	Được làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, giám sát khảo sát địa chất công trình từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm khảo sát địa chất, giám sát khảo sát địa chất công trình từ cấp III trở xuống.
2	**Lĩnh vực lập quy hoạch đô thị và nông thôn**				
	Lập quy hoạch đô thị và nông thôn	Lập quy hoạch đô thị và nông thôn	Được làm chủ nhiệm lập nhiệm vụ quy hoạch; chủ nhiệm lập quy hoạch; chủ trì lĩnh vực chuyên môn lập quy hoạch đô thị và nông thôn của tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn	Được làm chủ nhiệm lập nhiệm vụ quy hoạch; chủ nhiệm lập quy hoạch; chủ trì lĩnh vực chuyên môn lập quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã.	Được làm chủ nhiệm lập nhiệm vụ quy hoạch; chủ nhiệm lập quy hoạch; chủ trì lĩnh vực chuyên môn lập quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân cấp xã.

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Hạng I**	**Hạng II**	**Hạng III**
3	**Thiết kế xây dựng**				
3.1	Thiết kế xây dựng công trình	Kết cấu công trình	- Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - kết cấu công trình của tất cả các công trình trừ công trình khai thác mỏ, đường bộ, đường sắt, cầu - hầm, đường thủy nội địa - hàng hải, thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, công trình xử lý chất thải rắn. - Được làm chủ nhiệm các công trình tuyến đầu mối chắn nước, tuyến năng lượng của các dự án thủy điện.	- Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - kết cấu công trình của các công trình từ cấp II trở xuống trừ công trình khai thác mỏ, đường bộ, đường sắt, cầu - hầm, đường thủy nội địa - hàng hải, thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, công trình xử lý chất thải rắn. - Được làm chủ nhiệm các công trình tuyến đầu mối chắn nước, tuyến năng lượng của dự án thủy điện từ cấp II trở xuống.	- Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - kết cấu công trình của các công trình từ cấp III trở xuống trừ công trình khai thác mỏ, đường bộ, đường sắt, cầu - hầm, đường thủy nội địa - hàng hải, thủy lợi, đê điều, công trình cấp nước - thoát nước, công trình xử lý chất thải rắn. - Được làm chủ nhiệm các công trình tuyến đầu mối chắn nước, tuyến năng lượng của dự án thủy điện từ cấp III trở xuống.
3.2		Công trình Khai thác mỏ	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình khai thác mỏ và các công trình tương tự tất cả các cấp công trình.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình khai thác mỏ và các công trình tương tự từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình khai thác mỏ và các công trình tương tự từ cấp III trở xuống.
3.3		Công trình Đường bộ	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường bộ, đường cất, hạ	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường bộ, đường cất, hạ	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường bộ, đường cất, hạ

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	Nội dung hành nghề	Hạng I	Hạng II	Hạng III
			cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và các công trình có kết cấu tương tự tất cả các cấp công trình; chủ trì lĩnh vực chuyên môn tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn.	cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp II trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	cánh, đường lăn, sân đỗ tàu bay và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp III trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
3.4		Công trình Đường sắt	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường sắt và các công trình có kết cấu tương tự tất cả các cấp công trình; chủ trì lĩnh vực chuyên môn tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường sắt và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp II trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường sắt và 1 các công trình có kết cấu tương tự từ cấp III trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
3.5		Công trình Cầu - hầm	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình cầu, hầm, công trình có kết cấu cột, trụ, tháp và các công trình có kết cấu tương tự tất cả các cấp công trình; chủ trì lĩnh vực chuyên môn	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình cầu, hầm, công trình có kết cấu cột, trụ, tháp và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp II trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình cầu, hầm, công trình có kết cấu cột, trụ, tháp và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp III trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	Nội dung hành nghề	Hạng I	Hạng II	Hạng III
			tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn.	quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
3.6		Công trình Đường thủy nội địa - Hàng hải	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường thủy nội địa - hàng hải và các công trình có kết cấu tương tự tất cả các cấp công trình.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường thủy nội địa - hàng hải và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình đường thủy nội địa - hàng hải và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp III trở xuống.
3.7		Công trình Thủy lợi, đê điều	- Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình thủy lợi, đê điều và các công trình có kết cấu tương tự tất cả các cấp công trình. - Được làm chủ nhiệm các công trình tuyến đầu mối chắn nước, tuyến năng lượng của các dự án thủy điện.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình thủy lợi, đê điều và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp II trở xuống. - Được làm chủ nhiệm các công trình tuyến đầu mối chắn nước, tuyến năng lượng của dự án thủy điện từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình – công trình thủy lợi, đê điều và các công trình có kết cấu tương tự từ cấp III trở xuống. - Được làm chủ nhiệm các công trình tuyến đầu mối chắn nước, tuyến năng lượng của dự án thủy điện từ cấp III trở xuống.
3.8		Công trình Cấp nước - thoát nước	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình cấp nước - thoát nước và các công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình cấp nước - thoát nước và các công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình cấp nước - thoát nước và các công trình

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	Nội dung hành nghề	Hạng I	Hạng II	Hạng III
			tương tự tất cả các cấp công trình; chủ trì lĩnh vực chuyên môn tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn.	tương tự từ cấp II trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp tỉnh, ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	tương tự từ cấp III trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
3.9		Công trình Xử lý chất thải rắn	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình xử lý chất thải rắn và các công trình tương tự tất cả các cấp công trình.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình xử lý chất thải rắn và các công trình tương tự từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình/hạng mục công trình - công trình xử lý chất thải rắn và các công trình tương tự từ cấp III trở xuống.
3.10	Thiết kế cơ - điện công trình	Hệ thống điện	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện công trình - hệ thống điện của tất cả các cấp công trình/hạng mục công trình (bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); chủ trì lĩnh vực chuyên môn tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện công trình - hệ thống điện của các công trình/hạng mục công trình từ cấp II trở xuống (bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện công trình - hệ thống điện của các công trình từ cấp III trở xuống (bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp); chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
3.11		Hệ thống cấp - thoát nước công trình	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Hạng I**	**Hạng II**	**Hạng III**
			công trình - hệ thống cấp - thoát nước, tuyến ống, cống cấp thoát nước của tất cả các cấp công trình/hạng mục công trình; chủ trì lĩnh vực chuyên môn tất cả các quy hoạch đô thị và nông thôn.	công trình - hệ thống cấp - thoát nước, tuyến ống, cống cấp thoát nước của các công trình/hạng mục công trình từ cấp II trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.	công trình - hệ thống cấp - thoát nước, tuyến ống, cống cấp thoát nước của các công trình/hạng mục công trình từ cấp III trở xuống; chủ trì lĩnh vực chuyên môn các quy hoạch đô thị và nông thôn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.
3.12		Hệ thống thông gió - cấp thoát nhiệt	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện công trình - hệ thống thông gió - cấp thoát nhiệt của tất cả các cấp công trình/hạng mục công trình.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện công trình - hệ thống thông gió - cấp thoát nhiệt của các công trình/hạng mục công trình từ cấp II trở xuống.	Được làm chủ nhiệm thiết kế xây dựng; chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế cơ - điện công trình - hệ thống thông gió - cấp thoát nhiệt của các công trình/hạng mục công trình từ cấp III trở xuống.
4	**Lĩnh vực giám sát thi công xây dựng**				
4.1	Giám sát công tác xây dựng công trình	Giám sát công tác xây dựng công trình	Được làm giám sát trưởng, giám sát khảo sát xây dựng tất cả các loại, cấp công trình/hạng mục công trình xây dựng; được làm giám sát viên công tác xây dựng tất cả các các loại, cấp công trình.	Được làm giám sát trưởng; giám sát khảo sát xây dựng các loại công trình/hạng mục công trình từ cấp II trở xuống; được làm giám sát viên công tác xây dựng tất cả các loại, cấp công trình.	Được làm giám sát trưởng; giám sát khảo sát xây dựng các loại công trình/hạng mục công trình từ cấp III trở xuống; được làm giám sát viên công tác xây dựng tất cả các loại, cấp công trình.
4.2	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình	Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình	Được làm giám sát trưởng, giám sát viên lắp đặt thiết bị công trình của tất cả các cấp công trình/hạng mục công trình (bao gồm công trình đường dây	Được làm giám sát trưởng lắp đặt thiết bị công trình của các công trình/hạng mục công trình từ cấp II trở xuống; giám sát viên lắp đặt thiết bị công	Được làm giám sát trưởng lắp đặt thiết bị công trình của các công trình/hạng mục công trình từ cấp III trở xuống; giám sát viên lắp đặt thiết bị công

STT	Lĩnh vực cấp chứng chỉ hành nghề		Phạm vi hoạt động xây dựng của chứng chỉ hành nghề		
	Lĩnh vực cấp	**Nội dung hành nghề**	**Hạng I**	**Hạng II**	**Hạng III**
			và trạm biến áp).	trình của tất cả các cấp công trình/hạng mục công trình (bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp).	trình của tất cả các cấp công trình/ hạng mục công trình (bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp).
5	**Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Chỉ huy trưởng công trường - Lĩnh vực không yêu cầu chứng chỉ hành nghề**				
	Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Chỉ huy trưởng công trường	Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Chỉ huy trưởng công trường	Được làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng tất cả các nhóm dự án và được làm chỉ huy trưởng công trường tất cả các cấp công trình/hạng mục công trình.	Được làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng các dự án từ nhóm B trở xuống và được làm chỉ huy trưởng công trường các công trình/hạng mục công trình từ cấp II trở xuống.	Được làm giám đốc quản lý dự án đầu tư xây dựng các dự án nhóm c và được làm chỉ huy trưởng công trường các công trình/hạng mục công trình từ cấp III trở xuống.
Ghi chú: Đối với các chứng chỉ hành nghề đã được cấp trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực: Phạm vi hoạt động của Chứng chỉ hành nghề đối với lĩnh vực Giám sát công tác xây dựng công trình dân dụng - công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, giám sát công tác xây dựng công trình giao thông, giám sát công tác xây dựng công trình phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (thủy lợi, đê điều) thực hiện theo phạm vi và lĩnh vực hoạt động của Chứng chỉ giám sát công tác xây dựng công trình tại mục 4.1 Phụ lục này.					

Phụ lục III MẪU CÁC VĂN BẢN TRONG QUY TRÌNH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG VÀ GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

Mẫu số 01	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
Mẫu số 02	Đơn đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
Mẫu số 03	Mẫu chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng
Mẫu số 04	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng (Đối với nhà thầu là tổ chức)
Mẫu số 05	Báo cáo các công việc/dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất
Mẫu số 06	Giấy ủy quyền
Mẫu số 07	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng (Đối với nhà thầu là cá nhân)
Mẫu số 08	Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài
Mẫu số 09	Quyết định cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân
Mẫu số 10	Quyết định điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

Mẫu số 11	Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng
Mẫu số 12	Thông báo tình hình hoạt động của nhà thầu nước ngoài
Mẫu số 13	Thông báo văn phòng điều hành của nhà thầu nước ngoài

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh[(1)]: .....3. Quốc tịch:.....

4. Số định danh cá nhân/Số căn cước/Số hộ chiếu: .....Ngày cấp:.....

Nơi cấp.....

5. Địa chỉ thường trú: .....

6. Số điện thoại[(2)]:.....Địa chỉ hòm thư điện tử:.....

7. Đơn vị công tác: .....

8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo):

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề: ..... năm.

10. Chứng chỉ hành nghề số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng .....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng[(3)]:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: ..... Nhóm dự án/Cấp công trình: ..... Loại công trình: ..... Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư: ..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: ..... 2.	
2				
...				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề: .....

Hạng: .....

□ Cấp mới

□ Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ: .....

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

□ Nhận chứng chỉ bản giấy (nếu cá nhân yêu cầu)

	NGƯỜI LÀM ĐƠN (Ký và ghi rõ họ, tên)

Ghi chú:

(1) Có thể thay thế các thông tin ngày, tháng, năm sinh, quốc tịch, số căn cước/căn cước công dân/hộ chiếu, địa chỉ thường trú bằng mã số định danh cá nhân.

(2) Số điện thoại, địa chỉ hòm thư điện tử phải là thông tin của cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(3) Không yêu cầu kê khai trong trường hợp cá nhân cấp lại chứng chỉ hành nghề.

- Việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thực hiện theo quy định về thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính và điều kiện tổ chức thực hiện của cơ quan có thẩm quyền.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

_____

....., ngày ... tháng ... năm ...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên: .....

2. Ngày, tháng, năm sinh: .....

3. Quốc tịch: .....

4. Hộ chiếu số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

5. Thời hạn trên giấy phép lao động: .....

6. Số điện thoại: ..... Địa chỉ hòm thư điện tử: .....

7. Đơn vị công tác: .....

8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ cơ sở đào tạo, chuyên ngành đào tạo): .....

9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm): .....

10. Giấy phép năng lực hành nghề số: ..... Ngày cấp: .....

Nơi cấp: .....

Lĩnh vực hoạt động xây dựng .....

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình/hạng mục công trình: ..... Nhóm dự án/Cấp công trình: ..... Loại công trình: ..... Địa điểm xây dựng công trình: Chủ đầu tư: ..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: ..... 2.	
2				
...				

Đề nghị cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động: ..... Hạng: .....

□ Nhận chứng chỉ bản giấy (nếu cá nhân yêu cầu)

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác, hợp pháp của hồ sơ, nội dung kê khai trong đơn và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ hành nghề được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

	NGƯỜI LÀM ĐƠN (Ký và ghi rõ họ, tên)

Mẫu số 03

MẪU CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Ghi chú:

- Trường hợp cấp lại thì ghi rõ lần cấp (cấp lại lần 1, lần 2,...).

- Về ảnh đính kèm: tệp ảnh định dạng JPEG hoặc PNG độ phân giải tối thiểu 300 dpi.

Mẫu số 04

ĐƠN ĐỀ NGHỊ Cấp giấy phép hoạt động xây dựng (Đối với nhà thầu là tổ chức) Văn bản số: ... ., *ngày ..... tháng ..... năm .....*

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

Tôi: .....(Họ tên) Chức vụ:.....

Được ủy quyền của ông (bà): theo giấy ủy quyền: (kèm theo đơn này)

Đại diện cho: .....

Địa chỉ đăng ký tại nước nơi nhà thầu thành lập: .....

Số điện thoại:.....Fax (nếu có):.....Email:.....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:.....Fax (nếu có):.....Email:.....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính, trường hợp là nhà thầu phụ làm đơn) là:..... thông báo trúng thầu (hoặc được lựa chọn) để làm nhà thầu chính (hoặc nhà thầu phụ) thực hiện công việc ..... thuộc Dự án..... tại trong thời gian từ ... đến .....

Chúng tôi đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

(Các tài liệu được quy định tại Điều 44 Nghị định này)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà).....có địa chỉ tại Việt Nam.....số điện thoại.....Fax.....Email.....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu:	**THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)**

Mẫu số 05

CÔNG TY/CÁ NHÂN _____	**..., ngày ... tháng... năm ...**

BÁO CÁO

Các công việc/dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất

Chủ đầu tư hoặc Bên thuê	**Tên Dự án, địa điểm, quốc gia**	**Nội dung hợp đồng nhận thầu**	**Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (quy đổi sang USD)**	**Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ**	**Thời gian thực hiện hợp đồng (từ ..đến...)**
1	2	3	4	5	6
Nơi nhận: - Tên cơ quan có thẩm quyền; - Lưu:	THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ nếu là cá nhân và đóng dấu Công ty)				
---	---				

Mẫu số 06

TỔ CHỨC _____ Số: .../...	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** _____ ....., ngày... tháng... năm .....

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Quyết định trúng thầu (hoặc được chọn thầu) số ... ngày ... tháng ... năm .... giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) với Công ty.....:

Tôi tên là: …….....

Chức vụ: …….....

Ủy quyền cho ông/bà …….....

Chức vụ: …….....

Số hộ chiếu:..... Quốc tịch nước: .....

Ông/Bà ..... được ký các giấy tờ, nộp hồ sơ, bổ sung, giải trình và nhận kết quả giải quyết thủ tục đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng công việc .....

Nơi nhận: - Chủ đầu tư; - Tên cơ quan có thẩm quyền; - Lưu: VT, đơn vị...	**THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)**

Mẫu số 07

ĐƠN ĐỀ NGHỊ Cấp giấy phép hoạt động xây dựng (Đối với nhà thầu là cá nhân) Văn bản số: ... ..., *ngày ... tháng ... năm...*

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

Tôi: ..... (Họ tên).

Có hộ chiếu số: .....(sao kèm theo đơn này)

Địa chỉ tại nước mà cá nhân mang quốc tịch: .....

Số điện thoại: ..... Fax (nếu có): ..... Email: .....

Địa chỉ tại Việt Nam (nếu có): .....

Số điện thoại: ..... Fax (nếu có): ..... Email: .....

Tôi được chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) thông báo trúng thầu (hoặc được lựa chọn) thực hiện tư vấn công việc ..... thuộc Dự án ..... tại ..... trong thời gian từ .....

Đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) ..... cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tôi để thực hiện công việc nêu trên.

Hồ sơ kèm theo gồm:

(Các tài liệu quy định tại Điều 44 Nghị định này)

Nếu hồ sơ của tôi cần được bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) ..... có địa chỉ tại Việt Nam ..... số điện thoại ..... Fax ..... Email .....

Khi được cấp giấy phép hoạt động xây dựng, tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: ...	**Kính đơn (Ký tên) Họ và tên người ký**

Mẫu số 08

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN _____ Số: ...../QĐ-.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ ..., ngày ... tháng ... năm ....

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

_____

(Người đứng đầu của cơ quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Theo đơn và hồ sơ của Công ty (hoặc Liên danh) ....., là pháp nhân thuộc nước ....., về việc nhận thầu thuộc Dự án ..... tại ..... và theo thông báo trúng thầu (hoặc chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là ..... tại văn bản .....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty (hoặc Liên danh) ..... (sau đây gọi là Nhà thầu), pháp nhân thuộc nước ....., có địa chỉ đăng ký tại ....., được thực hiện công việc ..... thuộc Dự án ..... tại .....

Điều 2.

1. Nhà thầu thực hiện công việc ..... theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính); liên danh với nhà thầu Việt Nam (hoặc/và sử dụng thầu phụ Việt Nam) như đã được xác định trong hồ sơ dự thầu (hoặc chào thầu) thông qua hợp đồng liên danh hoặc hợp đồng thầu phụ như đã xác định trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.

2. Nhà thầu thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

3. Nhà thầu phải lập thông báo gửi về (Tên cơ quan có thẩm quyền) theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 48 Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để Nhà thầu liên hệ với các cơ quan Nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Giấy phép này được cấp cho Nhà thầu, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

Nơi nhận: - Như Điều 4; ..... - Lưu: VT, Cơ quan có thẩm quyền	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 09

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
_____	**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: ...../QĐ-.....	_____
	....., ngày ... tháng ... năm ....

QUYẾT ĐỊNH

Cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho cá nhân

_____

(Người đứng đầu của cơ quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Theo đơn và hồ sơ của ông/bà ....., quốc tịch nước ..... về việc nhận thầu thuộc Dự án ..... tại ..... và theo thông báo trúng thầu (hoặc được chọn thầu) của chủ đầu tư (hoặc thầu chính) là ..... tại văn bản.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép ông/bà ....., quốc tịch nước ....., có hộ chiếu số ..... cấp ngày ..... tại ..... do cơ quan nước ..... cấp, được thực hiện công việc ..... thuộc Dự án ..... tại .....

Điều 2.

1. Ông/bà.... thực hiện công việc ..... theo Quyết định trúng thầu (hoặc chọn thầu) với chủ đầu tư (hoặc thầu chính).

2. Ông/bà thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 48 Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

3. Ông/bà phải lập thông báo gửi về (Tên cơ quan có thẩm quyền) theo quy định tại điểm l khoản 2 Điều 48 Nghị định số ...../2026/NĐ-CP ngày ... tháng ... năm 2026 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Giấy phép này đồng thời có giá trị để ông/bà liên hệ với các cơ quan nhà nước Việt Nam có liên quan thực hiện nội dung các điều khoản nêu trên theo quy định của pháp luật.

2. Giấy phép này chỉ có giá trị thực hiện công việc nêu tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 4. Giấy phép này được cấp cho ông/bà ..... đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Công Thương, Bộ Công an, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Bộ Xây dựng và Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố... (nơi có dự án) và chủ đầu tư.

Nơi nhận: - Như Điều 4; ..... - Lưu: VT, Tên cơ quan có thẩm quyền.	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 10

TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN _____ Số: ...../QĐ-.....	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** _____ ..., ngày ... tháng ... năm ....

QUYẾT ĐỊNH

Điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài

_____

(Người đứng đầu của cơ quan có thẩm quyền)

Căn cứ Luật Xây dựng số 135/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số ..../2026/NĐ-CP ngày... tháng... năm 2026 của Chính phủ quy định về điều kiện năng lực hoạt động xây dựng, Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia về hoạt động xây dựng;

Căn cứ Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm.... của (tên cơ quan có thẩm quyền).... cấp cho Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà.....;

Căn cứ đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng ngày ... tháng ... năm....của Công ty (hoặc Liên danh)/ông, bà.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh ..... trong Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... do (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp ngày ... tháng ... năm.... Các nội dung khác của Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm.... không thay đổi.

Điều 2. Văn bản này là một phần không tách rời của Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm ...

Điều 3. Văn bản này được lập và sao gửi như quy định tại Điều 4 Giấy phép hoạt động xây dựng số ...../QĐ-..... ngày ... tháng ... năm ....

Nơi nhận: - Như Điều 3; - Lưu: VT, tên cơ quan có thẩm quyền.	**NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN (Ký tên, đóng dấu)**

Mẫu số 11

ĐƠN ĐỀ NGHỊ Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng Văn bản số: ...., *ngày ... tháng ... năm ...*

Kính gửi: (Tên cơ-quan có thẩm quyền)

Tôi: .....(Họ tên) Chức vụ:.....

Được ủy quyền của ông (bà):.....theo giấy ủy quyền:....(kèm theo đơn này) (trường hợp nhà thầu là tổ chức), đại diện cho: .....

Địa chỉ đăng ký tại nước nơi nhà thầu thành lập (trường hợp nhà thầu là tổ chức)/Địa chỉ đăng ký tại nước mà cá nhân mang quốc tịch (trường hợp nhà thầu là cá nhân): .....

Số điện thoại:.....Fax (nếu có):.....Email:.....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:.....

Số điện thoại:.....Fax (nếu có):.....Email:.....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi/Tôi đã được (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số ....., ngày ..... để thực hiện công việc thuộc dự án ..... Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung: .....

Lý do đề nghị điều chỉnh: .....

Chúng tôi/ Tôi đề nghị (Tên cơ quan có thẩm quyền) điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi/Tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1. Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp

2. Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh: .....

3. Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (nhà thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là nhà thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi/tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà) có địa chỉ tại Việt Nam ..... số điện thoại ..... Fax (nếu có) ..... Email .....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi/tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Nơi nhận: - Như trên; - Lưu: ...	**THAY MẶT (HOẶC THỪA ỦY QUYỀN)... (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty (đối với nhà thầu là tổ chức))**

Mẫu số 12

TỔ CHỨC/CÁ NHÂN THÔNG BÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NHÀ THẦU NƯỚC NGOÀI Văn bản số:..... *...., ngày ... tháng ... năm ...*

I. TÊN CÔNG TY/CÁ NHÂN: .....

Địa chỉ liên lạc tại Việt Nam: .....

Số điện thoại:..... Fax: ..... Email: .....

Số tài khoản tại Việt Nam: .....

Tại Ngân hàng: .....

Số Giấy phép hoạt động xây dựng:... ngày:... do (Tên cơ quan có thẩm quyền) ....

Người đại diện có thẩm quyền tại Việt Nam:..... Chức vụ: .....

II. HỢP ĐỒNG ĐÃ KÝ VỚI CHỦ ĐẦU TƯ:

1. Số hợp đồng: ..... ngày ký: .....

2. Nội dung chính công việc nhận thầu: .....

3. Giá trị hợp đồng: .....

Tổng số giá trị hợp đồng: .....

Trong đó:

- Giá trị tư vấn (thiết kế, quản lý xây dựng, giám sát...): .....

- Giá trị cung cấp vật tư trang thiết bị: .....

- Giá trị thầu xây dựng: .....

- Giá trị thầu lắp đặt: .....

4. Thời hạn thực hiện hợp đồng: Từ: ..... đến .....

5. Tình hình thực hiện đến thời điểm báo cáo: .....

III. HỢP ĐỒNG ĐÃ KÝ VỚI CÁC THẦU PHỤ:

1. Hợp đồng thầu phụ thứ nhất: ký với công ty .....

1.1. Số hợp đồng: ..... ngày ký: .....

1.2. Nội dung chính công việc giao thầu phụ: .....

1.3. Giá trị hợp đồng: .....

2. Hợp đồng thầu phụ thứ hai: (tương tự như trên)

3. ..... v.v

IV. VIỆC ĐĂNG KÝ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ VIỆC NỘP THUẾ:

1. Đã đăng ký chế độ kế toán tại cơ quan thuế: .....

2. Đăng ký kiểm toán tại công ty kiểm toán: .....

3. Đã thực hiện nộp thuế theo từng thời kỳ thanh toán: (có bản sao phiếu xác nhận nộp thuế của cơ quan thuế kèm theo) .....

V. NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC CẦN TRÌNH BÀY VỀ THÀNH TÍCH HOẶC Ý KIẾN ĐỀ NGHỊ GIÚP ĐỠ CỦA (TÊN CƠ QUAN CÓ THẨM QUYỀN)

Nơi nhận: - Các bộ: Xây dựng, Công an, Tài chính, Công Thương; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - UBND tỉnh (thành phố)....; - Tên cơ quan có thẩm quyền; - Lưu:....	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu công ty)**

Mẫu số 13

CÔNG TY.....
_____
Số: ....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
_____
..., ngày ... tháng ... năm ...

THÔNG BÁO

Văn phòng điều hành của nhà thầu nước ngoài

1. Tên nhà thầu: …….....

2. Đại diện cho nhà thầu: ……...

3. Pháp nhân nước: ……....

4. Địa chỉ đăng ký của Công ty tại nước sở tại: ……....

5. Đã được (Tên cơ quan có thẩm quyền) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số: ..... ngày .....

6. Nhận thầu công việc: ..... thuộc dự án .....

7. Chủ đầu tư: …….....

8. Thầu chính (nếu văn bản thông báo là nhà thầu phụ): .....

9. Tại: …….....

10. Địa chỉ Văn phòng điều hành: …….....

11. Người đại diện cho Văn phòng điều hành: …….....

12. Số điện thoại của Văn phòng điều hành: …….....

13. Số Fax: …….....

14. Số tài khoản: …….....……...…… tại: …….....…….....

Nơi nhận: - Các Bộ: Xây dựng, Công an, Tài chính, Công Thương; - Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; - UBND tỉnh (thành phố) nơi có dự án; - (Tên cơ quan có thẩm quyền); - Lưu:....	**ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU (Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)**

Phụ lục IV KÝ HIỆU NƠI CẤP CHỨNG CHỈHÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Kèm theo Nghị định số 212/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ)

STT	Nơi cấp	Ký hiệu	STT	Nơi cấp	Ký hiệu
1	An Giang	ANG	18	Lâm Đồng	LAD
2	Bắc Ninh	BAN	19	Lạng Sơn	LAS
3	Cà Mau	CAM	20	Lào Cai	LCA
4	Cao Bằng	CAB	21	Nghệ An	NGA
5	Cần Thơ	CAT	22	Ninh Bình	N1B

STT	Nơi cấp	Ký hiệu	STT	Nơi cấp	Ký hiệu
6	Đà Nẵng	DNA	23	Phú Thọ	PHT
7	Đắk Lắk	DAL	24	Quảng Ngãi	QNG
8	Điện Biên	DIB	25	Quảng Ninh	QNI
9	Đồng Nai	DON	26	Quảng Trị	QTR
10	Đồng Tháp	DOT	27	Sơn La	SOL
11	Gia Lai	GIL	28	Tây Ninh	TAN
12	Hà Nội	HAN	29	Thái Nguyên	THN
13	Hà Tĩnh	HAT	30	Thanh Hóa	THH
14	Hải Phòng	HAP	31	Huế	HUE
15	Hưng Yên	HUY	32	TP. Hồ Chí Minh	HCM
16	Khánh Hòa	KHH	33	Tuyên Quang	TUQ
17	Lai Châu	LAC	34	Vĩnh Long	VIL